SAM HOLDINGS

CÔNG TY CỔ PHẦN SAM HOLDINGS

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kết giá trị - Nối niềm tin

SAM HOLDINGS

Kết giá trị, nối niềm tin

NỘI DUNG BÁO CÁO

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 4

I. THÔNG TIN CHUNG 6

1. Thông tin khái quát 7
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 10
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 12
4. Định hướng phát triển 15
5. Các rủi ro 16

II. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2025 18

1. Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2024 18
2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 20
3. Tổ chức và nhân sự 21
4. Tình hình các khoản đầu tư 23
5. Đánh giá tình hình tài chính năm 2024 24
6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 26
7. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 27
8. Kế hoạch phát triển trong tương lai 28
9. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty 30

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 32

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 32
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc 32
3. Thực hiện trách nhiệm với cổ đông 33
4. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 34

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY 36

1. Hội đồng quản trị 36
2. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị - Ủy ban Kiểm toán (UBKT) 40
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGĐ và UBKT 42

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT NĂM 2024 46

I. THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi đến Quý Cổ đông, Quý khách hàng và các đối tác của SAM Holdings!

Năm 2024 đã chứng kiến những biến động đáng kể đến nền kinh tế toàn cầu. Các yếu tố như bất ổn địa chính trị, lạm phát gia tăng và chính sách tiền tệ thắt chặt từ các ngân hàng trung ương lớn đã tiếp tục ảnh hưởng đến thị trường tài chính và chuỗi cung ứng và hoạt động sản xuất – kinh doanh trên toàn thế giới. Mặc dù một số nền kinh tế lớn đã có dấu hiệu phục hồi, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng vẫn chậm và thiếu sự ổn định.

Tại Việt Nam, chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều thách thức. Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2024 đã cán đích thành công với mức tăng trưởng GDP ước đạt 7,09%, vượt chỉ tiêu 6,5-7% do Quốc hội đề ra. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt kỷ lục đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm 2023, trong khi cán cân thương mại hàng hóa thặng dư 24,77 tỷ USD. Vốn FDI thực hiện tại Việt Nam ước đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước, đạt mức cao nhất từ trước đến nay. GDP bình quân đầu người năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023.

Bước vào năm 2025, mặc dù bối cảnh kinh tế vĩ mô vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, Việt Nam cũng đứng trước những cơ hội mới. Xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng từ chiến tranh thương mại, tăng cường ứng dụng công nghệ số và sự thay đổi trong hành vi tiêu dùng sẽ là những yếu tố định hình thị trường. Trước những thách thức và cơ hội đó, ban lãnh đạo SAM Holdings sẽ tiếp tục tập trung phát triển ba ngành cốt lõi: sản xuất công nghiệp, bất động sản và đầu tư tài chính. Sản xuất công nghiệp sẽ là mũi nhọn giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và thúc đẩy xuất khẩu. Bất động sản tiếp tục là lĩnh vực tiềm năng với nhu cầu nhà ở, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp gia tăng mạnh mẽ. Bên cạnh đó, đầu tư tài chính sẽ tạo điều kiện tối ưu hóa dòng vốn, gia tăng giá trị tài sản và hỗ trợ các mảng kinh doanh khác phát triển bền vững. Với chiến lược này, Tập đoàn hướng đến hiệu quả hoạt động cao hơn, nâng cao vị thế trên thị trường và tạo ra giá trị lâu dài cho cổ đông.

Cùng nhau vượt qua một năm đầy khó khăn và thách thức, tôi xin gửi lời tri ân tới toàn thể đội ngũ vì những nỗ lực, cống hiến không ngừng nghỉ để thực hiện sứ mệnh "Kết giá trị, nối niềm tin" và xin gửi lời cảm ơn tới sự tin tưởng, ủng hộ, đồng hành của Quý cổ đông, khách hàng, đối tác đã dành cho chúng tôi trong suốt thời gian đã qua.

Dù thị trường kinh doanh trong năm mới còn nhiều bất ổn do tác động của các yếu tố vĩ mô, Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc SAM Holdings cùng toàn thể cán bộ, công nhân viên sẽ tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, chủ động thích ứng và không ngừng đổi mới để hoàn thành nhiệm vụ, đưa công ty vững vàng tiến về phía trước.

Kính chúc quý vị tràn đầy sức khỏe, thành công và hạnh phúc!

Trân trọng

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

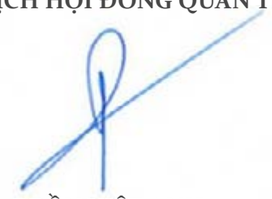

TRẦN VIỆT ANH

I. THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần SAM Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACOM - là một trong hai công ty cổ phần đầu tiên niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán SAM; là đơn vị được nhà nước phong tặng "Huân chương lao động" và danh hiệu "Anh hùng lao động".

Hơn 30 năm hình thành và phát triển, từ lĩnh vực hoạt động ban đầu là sản xuất và phân phối các loại cáp cho ngành bưu chính viễn thông, đến nay, SAM Holdings đã mở rộng sang nhiều lĩnh vực khác hướng đến mục tiêu trở thành Tập đoàn Đầu tư và Quản lý tài sản hàng đầu tại Việt Nam.

SAM HOLDINGS
Kết giá trị, nối niềm tin

3.799 TỶ
VỐN ĐIỀU LỆ

6.375 TỶ
TỔNG TÀI SẢN

04 LĨNH VỰC
HOẠT ĐỘNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- **Tên công ty:** Công ty Cổ phần SAM Holdings
- **Tên tiếng Anh:** SAM Holdings Corporation
- **Trụ sở chính:** 127 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành vhố Hồ Chí Minh,
- **Điện thoại:** (028) 3512 2919
- **Fax:** (028) 3512 8632
- **Email:** contact@samholdings.com.vn
- **Website:** www.samholdings.com.vn
- **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:** 3600253537 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 30/03/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 25/11/2024
- **Mã cổ phiếu:** SAM
- **Vốn điều lệ:** 3.799.609.710.000 đồng
- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 379.960.971 cổ phiếu
- **Sàn niêm yết:** Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE)

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1986

Thành lập Nhà máy vật liệu Bưu điện II tại ngã ba Tân Vạn, theo quyết định số 28/QĐ/TCCB của Tổng cục Bưu điện

1989

Đổi tên Nhà máy Vật liệu Bưu điện II thành Nhà máy Cáp và Vật liệu Viễn thông

1998

- Cổ phần hóa Nhà máy Cáp và Vật liệu Viễn thông thành Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Viễn thông (SACOM) theo quyết định số 75/1998/QĐ-TCCB do Tổng Cục trưởng Tổng Cục Bưu điện ký
- Vốn điều lệ ban đầu: 120 tỷ đồng

2000

Công ty Cổ phần SACOM là 01 trong 02 công ty đầu tiên được niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam, mã chứng khoán: SAM

2003

- Nhận giải thưởng "Sao Vàng Đất Việt" cho sản phẩm, thương hiệu tiêu biểu của Việt Nam
- Nhận giấy chứng nhận ISO 9001:2000 do tổ chức AFAQ-ASCERT cấp
- Tăng vốn điều lệ công ty lên: 180 tỷ đồng

2005

Nhận Giải thưởng "Sao vàng Đất việt năm 2005" dành cho thương hiệu và sản phẩm tiêu biểu Việt Nam trong hội nhập quốc tế

2006

- Được nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng III
- Tăng vốn điều lệ công ty lên: 374 tỷ đồng
- Thương hiệu SACOM đạt cúp vàng thương hiệu công nghiệp Việt Nam 2006

2007

- Nhận giải thưởng Sao Vàng Đất Việt
- Tăng vốn điều lệ công ty lên 545 tỷ đồng

2008

- Được nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng Lao động
- Tăng vốn điều lệ công ty lên: 654 tỷ đồng
- Thành lập Công ty cổ phần Địa ốc SACOM (SAMLAND)

2009

Thành lập Công ty cổ phần SACOM Tuyền Lâm (SAM Tuyền Lâm)

2010

- Đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển SACOM (SACOM)
- Được đánh giá xếp hạng 342 trên 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam
- Vào TOP 200 doanh nghiệp tư nhân đóng thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- Thành lập Công ty TNHH SACOM Chíp Sáng (SCS)

2011

- Tăng vốn lên 1.307 tỷ đồng
- Chuyển giao toàn bộ mảng sản xuất truyền thống Dây và Cáp cho Công ty TNHH MTV Dây và Cáp SACOM

2015

Tăng vốn lên 1.802 tỷ đồng

2016

Thành lập Công ty cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ cao (SAM Agritech)

2017

- Chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần SAM Holdings, đánh dấu bước ngoặt mới của Công ty với những định hướng và chiến lược mới
- Tăng vốn lên 2.418 tỷ đồng

2018

Tăng vốn lên 2.490 tỷ đồng

2019

Tăng vốn lên 2.565 tỷ đồng

2021

Tăng vốn lên 3.500 tỷ đồng

2022 - nay

Tăng vốn lên 3.799 tỷ đồng

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

SAM Holdings là nơi các giá trị được kết tụ và phát huy nhằm giữ vững niềm tin và mang đến lợi ích tốt nhất cho khách hàng, đối tác và cổ đông - hướng tới vị thế tvập đoàn đầu tư hàng đầu Việt Nam. Đầu tư tài chính đã được xác định là lĩnh vực hoạt động mũi nhọn của SAM Holdings.

Đối với lĩnh vực kinh doanh này, ngoài khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, SAM sẽ triển khai các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn, chi phối hoặc không chi phối vào các các công ty có tiềm năng tăng trưởng, trả cổ tức ổn định hoặc các công ty đang hoạt động trong các lĩnh vực trọng điểm then chốt của nền kinh tế, các doanh nghiệp nhà nước đang IPO...

BẤT ĐỘNG SẢN

Bất động sản nhà ở

SAMLAND hoạt động trên các lĩnh vực đầu tư & kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình dân dụng và hạ tầng, kinh doanh dịch vụ quản lý tòa nhà. Với phươngchâm uy tín trong từng giao kết và chất lương trong từng sản phẩm, SAMLAND luôn không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh để mang đến các sản phẩm, dịch vụ chất lượng nhất cho quý khách hàng.

Bất động sản khu công nghiệp

SAM đang triển khai các dự án bất động sản khu công nghiệp trọng điểm, một trong số đó là dự án Khu công nghiệp Tam Thăng 2 quy mô 103 ha, nằm trong khu kinh tế mở Chu Lai, một khu vực chiến lược trọng điểm phát triển công nghiệp của tỉnh Quảng Nam và là một đòn bẩy quan trọng của Vùng kinh tế trọng điểm Trung Bộ.

Bất động sản cho thuê văn phòng

Tòa nhà SCS nằm trong khu Công nghệ cao TP.HCM (KCNC), Quận 9, trên trục đường Xa lộ Hà Nội, thuận tiện giao thông, là nơi lý tưởng dành cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao như Microchip, Rocwel (Mỹ), Samsung, Pactra, Hanaro, Hanjin (Hàn quốc)... Tòa nhà cung cấp các dịch vụ: cho thuê văn phòng; cho thuê chỗ ngồi; cho thuê văn phòng ảo; phòng họp - hội trường. Với phong cách quản lý từ CBRE (Công ty lớn về dịch vụ, bất động sản toàn cầu), bên cạnh chất lượng và dịch vụ, SCS là cầu nối vững chắc giữa các doanh nghiệp với khu công nghệ cao và với những tổ chức hàng đầu thế giới khác tại đây.

DU LỊCH, NGHỈ DƯỠNG VÀ VUI CHƠI GIẢI TRÍ

Bất động sản du lịch, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí tại SAM Tuyền Lâm là điểm đến ấn tượng cho du khách cả trong và ngoài nước.

SAM Tuyền Lâm được thành lập năm 2009, là công ty hoạt động trong lĩnh vực bất động sản du lịch - nghỉ dưỡng & vui chơi giải trí.

SAM Tuyền Lâm sở hữu hơn 300 ha tại vị trí đẹp nhất Đà Lạt thuộc Khu du lịch quốc gia Hồ Tuyền Lâm, đã xây dựng và đưa vào hoạt động một sân golf 18 lỗ tiêu chuẩn quốc tế, một khu nghỉ dưỡng Swiss-Bel-resort Tuyền Lâm 4 sao+ và 8 villa nằm ven hồ thuộc SAM Tuyền Lâm Resort.

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Sản xuất và phân phối các loại dây và cáp là lĩnh vực chủ lực của SAM Holdings với thương hiệu nổi tiếng SACOM.

Được thành lập vào năm 1986, với hơn 30 năm kinh nghiệm, SAM Dây và Cáp là một trong những công ty sản xuất dây và cáp viễn thông hàng đầu Việt Nam, với nhiều sản phẩm dưới thương hiệu SACOM nổi tiếng bao gồm: cáp viễn thông, cáp quang, dây đồng, dây điện từ và thanh cái. Phần lớn khách hàng SAM Dây và Cáp là các doanh nghiệp FDI.

Hiện nay, SAM Dây và Cáp sở hữu hai nhà máy tại KCN Long Thành, Đồng Nai và ba dòng sản phẩm chính bao gồm cáp quang với công suất 1,2 triệu km/năm, cáp đồng công suất 1,5 triệu km/năm và dây điện từ công suất 19.500 tấn/năm. Tổng diện tích các nhà máy là 73.000 m2.

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	TỶ LỆ LỢI ÍCH	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
CÔNG TY CON				
1	Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Tỉnh Lâm Đồng	64,1%	Kinh doanh khu du lịch, sân golf
2	Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Tỉnh Đồng Nai	99,9%	Sản xuất dây cáp
3	Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Thành phố Hồ Chí Minh	85,7%	Kinh doanh bất động sản
4	Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	Thành phố Hồ Chí Minh	73,8%	Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng
5	Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	92,9%	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT				
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	Thành phố Hồ Chí Minh	35,0%	Kinh doanh dịch vụ du lịch
7	Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Tỉnh Đồng Nai	45,3%	Kinh doanh bất động sản
8	Công ty Cổ phần Capella Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	31,5%	Tổ chức sự kiện và quảng cáo
9	Công ty Cổ phần Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy	Tỉnh Quảng Trị	36,0%	Cảng biển

3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền lực cao nhất của công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định tổ chức và giải thể công ty, quyết định định hướng phát triển của công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và thực thi các quyền khác theo quy định của pháp luật.

THƯ KÝ HĐQT | **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** | **ỦY BAN KIỂM TOÁN**

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và là cơ quan quản trị cao nhất của công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện các vấn đề liên quan tới mục tiêu và lợi ích của công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng Quản trị không thành lập các tiểu ban giúp việc vì cấu trúc công ty hiện nay đang được tổ chức theo hướng tích hợp các chức năng kiểm soát, quản trị rủi ro vào chính các phòng, ban chức năng trong bộ máy holdings để có thể linh hoạt giám sát hoặc tham gia trực tiếp ngay vào hoạt động vận hành của các công ty con hay dự án. Hội đồng Quản trị thiết lập các chuẩn mực về đầu tư, thoái vốn, vay mượn với giá trị giao dịch lớn, và phát hành cổ phiếu và trái phiếu. Ngoài các nội dung thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị phê duyệt theo điều lệ, thẩm quyền phê duyệt các giao dịch có giá trị nhỏ hơn, hoặc thực hiện các nhiệm vụ nằm ngoài thẩm quyền của Hội đồng Quản trị cấp cho Ban Tổng Giám đốc.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | **THƯ KÝ BAN TGĐ**

Bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Ban Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện các kế hoạch và chiến lược mà Hội đồng Quản trị đã vạch ra cho công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.

BỘ MÁY SAM HOLDINGS

Là bộ máy chuyên nghiệp có chức năng tham mưu, hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc để đề xuất các định hướng và chiến lược cho toàn công ty cũng như hỗ trợ các công ty con hoạt động hiệu quả nhất.

Bộ máy holdings thực hiện các hoạt động tập trung, có ảnh hưởng sâu rộng tới toàn công ty như: phát triển thương hiệu, quản lý vốn, thực hiện các giao dịch huy động vốn và mua bán, sáp nhập, đảm bảo tỷ suất đầu tư hiệu quả và tối đa hóa lợi ích mang lại cho cổ đông. Các chức năng quản lý chính sẽ được tập trung tại bộ máy holdings

BAN ĐẦU TƯ	BAN KINH DOANH	BAN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN	BAN VẬN HÀNH
- ĐẦU TƯ	- TRUYỀN THÔNG - KINH DOANH	- TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN	- NHÂN SỰ - HÀNH CHÍNH - QUY ĐỊNH & TUÂN THỦ

ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN & LIÊN KẾT

Tổ chức thực hiện các quyết định của công ty, quyết định các vấn đề thuộc phạm vi lĩnh vực kinh doanh của công ty, thực thi các hoạt động kinh doanh hàng ngày của SAM Holdings và thực hiện việc báo cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu, quy định của công ty. Đồng thời các công ty con có trách nhiệm trình công ty xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của công ty với tư cách cổ đông/chủ sở hữu

MỐI QUAN HỆ GIỮA BỘ MÁY HOLDINGS VỚI CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Quan hệ giữa bộ máy holdings với các công ty con, công ty liên kết được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị, các quy định khác của công ty và các quy định của pháp luật có liên quan. SAM Holdings thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với các công ty con, công ty liên kết theo quy định tương ứng của pháp luật và quy định nội bộ của công ty.

CƠ CHẾ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BỘ MÁY HOLDINGS VÀ CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Các công ty con, công ty liên kết phối hợp với nhau nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trên nguyên tắc bình đẳng, thỏa thuận giữa các đơn vị độc lập về tư cách pháp nhân, vì lợi ích của đơn vị và lợi ích chung của SAM Holdings. Công ty quy định chính sách, định hướng phối hợp các lĩnh vực hoạt động trong phạm vi toàn công ty nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực, thế mạnh, nâng cao tính chuyên nghiệp và chuyên môn hóa của các công ty con.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị của SAM Holdings được xác định trên nguyên tắc minh bạch, hợp lý, giữ vững các giá trị cốt lõi, đảm bảo phát triển hiệu quả, giúp hệ thống đạt được mục tiêu kinh doanh cụ thể theo chiến lược của từng thời điểm và tạo nền tảng vững chắc phục vụ lợi ích lâu dài của Tập đoàn cũng như cân bằng hài hòa quyền lợi của các bên liên quan.

Đảm Bảo Hiệu Quả Trong Kinh Doanh Và Vận Hành

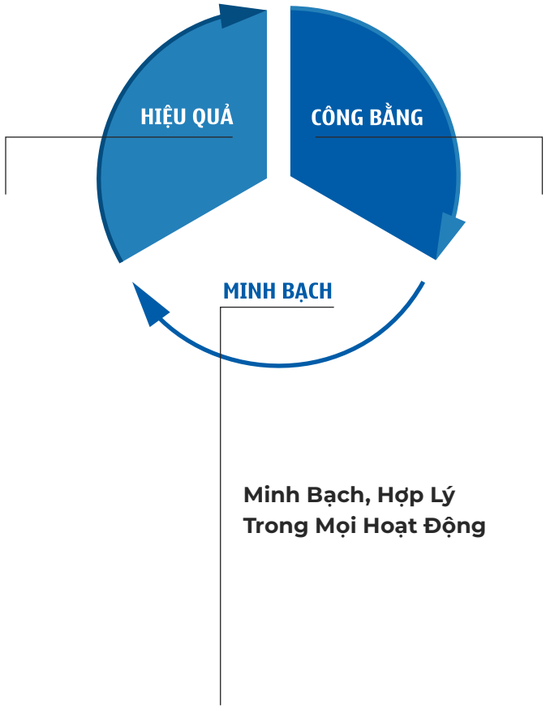

Cân Bằng Hài Hòa Quyền Lợi Của Các Bên Liên Quan

Minh Bạch, Hợp Lý Trong Mọi Hoạt Động

Theo đó, mô hình quản trị của SAM Holdings bao gồm các tầng quản trị theo thông lệ quốc tế của một tập đoàn hoạt động theo mô hình công ty mẹ - các công ty thành viên, có sự phân tầng hợp lý hoạt động giữa các cấp trực thuộc, đồng thời tạo sự gắn kết giữa các tầng hoạt động, các đơn vị thành viên và giữa các bộ phận chức năng để thực hiện các mục tiêu kinh doanh. Trong quá trình vận hành, SAM Holdings thường xuyên rà soát tính hiệu quả của việc vận hành mô hình quản trị và đưa ra những điều chỉnh phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, bảo đảm hiệu quả tối ưu.

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

SỨ MỆNH

Với khẩu hiệu:

“KẾT GIÁ TRỊ, NỐI NIỀM TIN”

SAM Holdings mang lại sự hài lòng cho khách hàng, đối tác, lợi nhuận cho cổ đông, lợi ích cho cộng đồng và cuộc sống phong phú cả về vật chất lẫn tinh thần cho toàn thể người lao động.

TẦM NHÌN

“Hướng tới vị thế

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN HÀNG ĐẦU VIỆT NAM”

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- **Hợp tác và tăng trưởng:** Các đơn vị thành viên thuộc SAM Holdings luôn hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau nhằm tận dụng lợi thế về quy mô để nâng cao sức mạnh cạnh tranh và cùngphát triển
- **Chuyên nghiệp và hệ thống:** Công nghệ được khai thác tối đa vào các quy trình tác nghiệp thiết lập nên hệ thống làm việc chuyên nghiệp, hướng tới thành quả, cam kết về chất lượng cũng như thời gian hoàn thành.
- **Sáng tạo và nhạy bén:** Luôn luôn chuyển động theo thị trường và khách hàng để tạo ra những sản phẩm, dịch vụ khác biệt. Đồng thời luôn luôn sáng tạo và kết hợp với khoa học& công nghệ để giữ vững lợi thế dẫn đầu.
- **Thấu hiểu khách hàng:** Luôn lấy khách hàng là trọng tâm để tạo ra những sản phẩm,dịch vụ đúng và trúng với nhu cầu của thị trường.
- **Nắm bắt xu hướng:** Tận dụng triệt để sự phát triển của công nghệ, nắm bắt sự dịch chuyển và thị hiếu của thị trường để định hướng nghiên cứu và tạo ra các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

5. CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Những biến động kinh tế như tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái dù mang tính khách quan nhưng lại ảnh hưởng trực tiếp đến mọi lĩnh vực sản xuất và kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, do hoạt động trong các lĩnh vực mũi nhọn của nền kinh tế như đầu tư, công nghiệp, bất động sản và khách sạn, Công ty chịu tác động rõ nét từ các thay đổi của nền kinh tế, nhất là trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

Là một Công ty hoạt động đa ngành nghề: Đầu tư, sản xuất công nghiệp, Bất động sản, dịch vụ khách sạn cho nên kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp bởi tình hình sản xuất công nghiệp và thương mại trong nước và quốc tế. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là một chỉ báo quan trọng không những phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Lạm phát

Lạm phát có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của SAM, đặc biệt là thông qua chi phí đầu vào như nguyên vật liệu và lương nhân công. Ngoài ra, nó cũng ảnh hưởng đến các doanh nghiệp xuất nhập khẩu – nhóm khách hàng sử dụng sản phẩm của Công ty. Nhằm giảm thiểu tác động này, Công ty luôn chủ động thực hiện các biện pháp kiểm soát chi phí và quản lý chặt chẽ biến động giá cả nguyên liệu.

Lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính.

Đối với Công ty Cổ phần Sam Holdings, thời gian qua hoạt động đầu tư kinh doanh của Công ty đa phần dựa vào vốn huy động của cổ đông, vốn tự có của doanh nghiệp và một phần lợi nhuận để lại chưa phân phối, trong khi lượng vốn vay chiếm một tỷ trọng không nhiều nên Công ty bị ảnh hưởng của rủi ro lãi suất ở mức trung bình. Tuy nhiên, trước yêu cầu mở rộng đầu tư kinh doanh theo chiến lược phát triển của Công ty, rất có thể trong thời gian tới Công ty sẽ phải nâng tỷ trọng vốn vay trung hạn và dài hạn và vốn trái phiếu để tài trợ cho các dự án đầu tư. Khi đó rủi ro về lãi suất sẽ là một yếu tố mà Công ty cần quan tâm để có những giải pháp hợp lý trong việc sử dụng hiệu quả vốn vay.

Tỷ giá hối đoái

Do đặc thù Công ty có hoạt động kinh doanh sản xuất dây cáp cần sử dụng nguyên vật liệu nhập khẩu và xuất khẩu sản phẩm cho đối tác nước ngoài nên chịu ảnh hưởng nhiều khi tỷ giá USD/VND biến động lớn.

RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của công ty.

Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty. Để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công ty có bộ phận pháp chế tư vấn các vấn đề pháp luật và luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Với đặc thù của doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, các ngành nghề kinh doanh của SAM Holdings có mức độ cạnh tranh cao, đặc biệt trong nhóm sản xuất dây cáp, bất động sản, bất động sản nghỉ dưỡng. Đối với mỗi mảng kinh doanh riêng, Công ty luôn phải chịu sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp trong nước đầu ngành và các doanh nghiệp có vốn nước ngoài. Để tạo ra lợi thế cạnh tranh, Công ty luôn nỗ lực đổi mới, sáng tạo, tạo ra các sản phẩm giá trị cho khách hàng để không chỉ mang lại giá trị cho xã hội mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh đối với các đối thủ khác.

RỦI RO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc tăng quy mô vốn có thể gây ra rủi ro về quản trị Công ty như rủi ro về quản trị tài sản và nguồn vốn, rủi ro về nhân lực, rủi ro về quy trình và hệ thống. Để tăng cường công tác quản trị, Ban lãnh đạo SAM Holdings đã từng bước xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế quản trị theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc Công ty nhằm mục đích giảm thiểu rủi ro và tối đa lợi ích cổ đông.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại đến tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2025

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2024

Kinh tế thế giới năm 2024

Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi nhưng với tốc độ chậm và không đồng đều. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng toàn cầu dự kiến đạt 3,2%, giảm nhẹ so với mức 3,3% của năm 2023.

- Lạm phát toàn cầu đã hạ nhiệt, giảm từ 6% năm 2023 xuống còn 4,5% trong năm 2024, nhờ giá thực phẩm, năng lượng và hàng hóa giảm mạnh. Điều này tạo điều kiện cho các ngân hàng trung ương tại các nền kinh tế lớn bắt đầu nới lỏng chính sách tiền tệ vào nửa cuối năm 2024.

- Tuy nhiên, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Các xung đột địa chính trị, như cuộc chiến tại Ukraine và tình hình bất ổn tại Trung Đông, tiếp tục gây ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, căng thẳng thương mại giữa các quốc gia lớn, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc, cũng góp phần làm gia tăng sự bất ổn kinh tế toàn cầu.

- Nợ công toàn cầu tiếp tục tăng, với ước tính của IMF cho thấy khối nợ chính phủ có thể đạt 100 nghìn tỷ USD trong năm 2024, tương đương khoảng 93% sản lượng hàng hóa và dịch vụ hàng năm của thế giới. Đặc biệt, nợ công của Mỹ đã vượt mốc 35 nghìn tỷ USD vào tháng 7/2024, tăng gần 12 nghìn tỷ USD so với năm 2020.

- Tình trạng này đòi hỏi các chính phủ cần có những hành động quyết đoán để bảo đảm tính bền vững của nợ công và duy trì không gian chính sách cho các phản ứng với các cú sốc trong tương lai.

Nhìn chung, năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi nhưng đối mặt với nhiều thách thức, đòi hỏi sự hợp tác và điều chỉnh chính sách linh hoạt từ các quốc gia để duy trì tăng trưởng bền vững.

Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2024

Năm 2024, kinh tế Việt Nam đạt nhiều thành tựu đáng chú ý qua các chỉ số kinh tế vĩ mô, đồng thời cũng đối mặt với một số thách thức cần khắc phục.

- Tăng trưởng GDP: Nền kinh tế tăng trưởng 7,09%, vượt chỉ tiêu 6,5-7% do Quốc hội đề ra. Quy mô GDP theo giá hiện hành ước đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD. Đây là mức tăng trưởng ấn tượng, phản ánh sự phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch COVID-19.

- GDP bình quân đầu người: Đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023. Điều này cho thấy mức sống của người dân được cải thiện rõ rệt.

- Xuất nhập khẩu: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm trước, trong khi nhập khẩu tăng 16,7% lên 380,76 tỷ USD, dẫn đến thặng dư thương mại 24,77 tỷ USD. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất với 119,6 tỷ USD, còn Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất với 144,3 tỷ USD.

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Vốn FDI thực hiện đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước, mức cao nhất từ năm 2020 đến nay. Điều này phản ánh niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài vào môi trường kinh doanh của Việt Nam.

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI): Bình quân năm 2024, CPI tăng 3,78%, nằm trong mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4% của Chính phủ.

- Sản xuất công nghiệp: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 8,4% so với năm trước, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 9,6%, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế.

- Đầu tư công: Giải ngân vốn đầu tư công trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 320 nghìn tỷ đồng, tương đương 47,3% kế hoạch, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2023. Điều này cho thấy cần cải thiện hiệu quả triển khai các dự án đầu tư công.

- Nợ xấu: Tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống ngân hàng tăng từ 1,9% năm 2022 lên 4,6% tổng dư nợ cho vay trong nửa đầu năm 2024, cho thấy cần chú trọng hơn đến chất lượng tín dụng.

- Doanh nghiệp: Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động đạt mức cao nhất từ trước đến nay với 76.179 doanh nghiệp, vượt mức 70.000 doanh nghiệp tái gia nhập thị trường trong một năm.

Tổng thể, kinh tế Việt Nam năm 2024 ghi nhận nhiều thành tựu quan trọng, nhưng vẫn cần tập trung giải quyết các thách thức như hiệu quả đầu tư công và kiểm soát nợ xấu để duy trì đà tăng trưởng bền vững.

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY NĂM 2024

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh 2024

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	% So với năm 2023	Kế hoạch 2024	% So với KH 2024
Tổng doanh thu	2.329,71	4,165.65	178.81%	2,423.78	171.87%
+ Doanh thu hoạt động SXKD	2.200,12	4,038.23	183.55%	2,239.76	180.30%
+ Doanh thu tài chính	129,59	127.42	98.33%	184.02	69.24%
Lợi nhuận trước thuế	**62,9**	**110.60**	**175.81%**	**80.39**	**137.58%**

Trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô năm 2024 liên tục có những diễn biến khó lường đến từ cả ngoài và trong nước, Ban Tổng Giám Đốc SAM Holdings đã chủ động ứng biến điều hành và nỗ lực đạt được những thành công nhất định. Theo đó, tổng doanh thu hợp nhất cả năm hoàn thành vượt 71,87% so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua, trong đó doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng mạnh, vượt 80,30% so với kế hoạch đề ra và vượt 83,55% so với cùng kỳ năm 2023. Từ đó, lợi nhuận trước thuế trong năm 2024 cũng có sự gia tăng mạnh khi đạt mức vượt 37,58% so với kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua và vượt 75,81% so với cùng kỳ.

Những thành công vượt bậc trong kết quả kinh doanh phần lớn được đóng góp từ các công ty thành viên của SAM Holdings với ba mảng cốt lõi là sản xuất công nghiệp (dây và cáp), bất động sản (cho thuê văn phòng và du lịch nghỉ dưỡng) và đầu tư tài chính.

SAM Dây & Cáp (SDC): SDC tiếp tục là đơn vị thành viên đóng góp tỷ trọng lớn vào doanh thu hợp nhất của SAM Holdings. Theo đó, doanh thu thuần năm 2024 của SDC đạt 3.772,6 tỷ đồng, vượt 90,3% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, cơ cấu doanh thu SDC dần cải thiện thông qua gia tăng trở lại đối với các sản phẩm chủ lực bao gồm gia công các sản phẩm dây điện từ, các sản phẩm cáp quang, thuê bao quang và dây đồng thành phẩm. Ngoài ra SDC cũng đã chủ động mở rộng mảng thương mại với hoạt động kinh doanh than đá, góp phần gia tăng doanh thu và tận dụng năng lực tài chính mạnh của doanh nghiệp. Theo đó, lợi nhuận trước thuế trong năm của SDC đạt 44,58 tỷ đồng, tăng 34,23% so với cùng kỳ.

SAM Chíp Sáng (SCS): Trong năm 2024, SCS tiếp tục duy trì hoạt động cho thuê và vận hành tòa nhà với hiệu quả liên tục được cải thiện ngoài mong đợi, tòa nhà văn phòng SCS trong khu công nghệ cao ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh vượt bậc qua các năm. Theo đó, SCS có kết quả doanh thu năm 2024 đạt 84,98 tỷ đồng tăng 11,4% so với cùng kỳ, hoàn thành vượt 3% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 49,3 tỷ đồng, vượt 9% so với kế hoạch.

SAM Tuyền Lâm (STL): Năm 2024 tiếp tục được xem là năm với nhiều cải thiện từ hoạt động kinh doanh của STL khi duy trì được tăng trưởng cả về lượt khách và tỷ lệ lấp đầy đối với mảng lưu trú và sân golf. Một phần đến từ ưu thế của thị trường Đà Lạt khi tiếp tục trở thành điểm đến du lịch yêu thích của người dân trong và ngoài nước, đặc biệt là du khách Hàn Quốc đến du lịch và chơi golf. Theo đó, doanh thu năm 2024 của STL duy trì ở mức 122,5 tỷ đồng, lợi nhuận ghi nhận ở mức lãi hơn 2,3 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, với chủ trương bảo toàn nguồn vốn kinh doanh trong môi trường rủi ro, Ban Tổng Giám Đốc đã chủ động thu hẹp các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn để tập trung cho các mảng đầu tư dài hạn cốt lõi, do đó, doanh thu tài chính giảm nhẹ so với năm 2023, và đạt xấp xỉ 70% kế hoạch đề ra.

3. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

3.1. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng

ÔNG TRẦN QUANG KHANG
TỔNG GIÁM ĐỐC

- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại ngày 18/03/2025:** 0,00%

BÀ VÕ NỮ TỪ ANH
KẾ TOÁN TRƯỞNG

- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Nam Tây Nguyên
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại ngày 18/03/2025:** 0,00%

3.2. Những thay đổi trong Ban Tổng Giám Đốc

Trong năm 2024, CTCP SAM Holdings đã có những thay đổi trong Ban Tổng Giám Đốc như sau:

Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
26/2024/NQ-HĐQT	04/09/2024	Thông qua việc bổ nhiệm chức danh Phó TGĐ
28/2024/NQ-HĐQT	12/11/2024	Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT với Ông Hoàng Lê Sơn và Bổ nhiệm Ông Trần Việt Anh là Chủ tịch HĐQT
29/2024/NQ-HĐQT	12/11/2024	Thông qua việc bổ nhiệm chức danh Ông Trần Quang Khang làm Tổng giám đốc

3.3. Cơ cấu nhân sự

Cơ cấu nhân sự theo từng đơn vị thành viên

STT	Đơn vị	Số lượng (Người)
1	Công ty Cổ phần SAM Holdings	19
2	Công ty Cổ phần Địa Ốc Sacom	18
3	Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	18
4	Công ty CP Dây và Cáp Sacom	197
5	Công ty CP Sacom Tuyền Lâm	287
6	Công ty Cổ phần Capella Quảng nam	22
Tổng cộng		**561**

Trong năm 2024, tổng số lao động của Tập đoàn là 561 người, giảm 52 người so với năm 2024. Trong đó, nguồn lao động tập trung chủ yếu tại 2 đơn vị thành viên là SAM Tuyền Lâm và SAM Dây và Cáp, với đặc thù ngành nghề chủ yếu về cung cấp dịch vụ du lịch và sản xuất công nghiệp do đó có nhu cầu sử dụng lao động vượt trội so với các mảng kinh doanh khác trong Tập đoàn. Bên cạnh đó, thu nhập bình quân/tháng/người tại SAM Holdings đạt 30,5 triệu đồng, giảm 34,3% so với năm 2023.

SAM Holdings luôn xác định con người là tài sản quan trọng nhất, đóng vai trò quyết định trong sự phát triển bền vững và thịnh vượng của doanh nghiệp. Do đó, Tập đoàn không ngừng hoàn thiện chiến lược quản trị nguồn nhân lực, tập trung thu hút và bồi dưỡng đội ngũ nhân sự trẻ trung, giàu nhiệt huyết, có trình độ chuyên môn cao và tư duy đổi mới.

Bên cạnh việc xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, SAM Holdings còn chú trọng phát triển các chính sách phúc lợi toàn diện, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động an tâm cống hiến và phát triển sự nghiệp lâu dài. Trong thời gian tới, Tập đoàn sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc chuẩn hóa và đồng bộ hóa các quy trình nhân sự trên toàn hệ thống, nâng cao hiệu quả vận hành, đảm bảo tối ưu hóa nguồn lực phục vụ mục tiêu sản xuất kinh doanh.

- Trong năm qua, SAM Holdings đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các chính sách lao động theo quy định pháp luật, bao gồm trích nộp nghĩa vụ thuế và đóng bảo hiểm đúng hạn, đồng thời không ngừng cải tiến chế độ đãi ngộ để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho nhân viên.
- Tập đoàn đặc biệt quan tâm đến việc cải thiện môi trường làm việc, không chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn lao động mà còn chú trọng đến yếu tố sức khỏe thể chất và tinh thần của người lao động. Các chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ, chính sách hỗ trợ phúc lợi mở rộng và các hoạt động gắn kết nội bộ đã góp phần nâng cao chất lượng đời sống cho cán bộ nhân viên.
- Việc đánh giá hiệu suất làm việc năm 2024 được tổ chức một cách minh bạch, công bằng, kết hợp với chương trình bầu chọn và khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc. Điều này không chỉ ghi nhận những đóng góp của nhân viên mà còn khuyến khích tinh thần trách nhiệm, sự sáng tạo và cống hiến lâu dài.
- Nhận thức rõ vai trò của nguồn nhân lực trong sự phát triển bền vững, SAM Holdings đã đẩy mạnh các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn cho đội ngũ nhân sự. Đặc biệt trong năm 2024, Tập đoàn sẽ tập trung triển khai các khóa huấn luyện theo chuẩn quốc tế, giúp nhân viên sẵn sàng thích ứng với những thách thức mới và góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

Với những nỗ lực không ngừng trong công tác quản trị nhân sự và phát triển quan hệ lao động, SAM Holdings cam kết tiếp tục xây dựng một môi trường làm việc bền vững, nơi mỗi cá nhân được trân trọng, phát huy tối đa tiềm năng và cùng nhau đóng góp vào sự phát triển chung của Tập đoàn.

4. TÌNH HÌNH CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Trong năm 2024, Ban Tổng Giám Đốc SAM đã chủ động thoái dần các khoản đầu tư ngắn hạn để dồn nguồn lực củng cố sức khoẻ tài chính doanh nghiệp và từng bước tái cơ cấu danh mục đầu tư để đảm bảo tối ưu dòng tiền và bảo toàn nguồn vốn.
Các khoản đầu tư dài hạn, bao gồm:

4.1. Đầu tư công ty con

STT	Tên công ty	Giá trị đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ trọng danh mục
1	Công ty CP Sacom - Tuyền Lâm	897,3	32,05%
2	Công Ty Cổ Phần Capella Quảng Nam	650,0	23,22%
3	Công ty CP Địa Ốc Sacom	629,8	22,67%
4	Công ty CP Dây và Cáp Sacom	499,6	17,85%
5	Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	118,0	4,22%
Tổng cộng		**2.799,4**	**100,0%**

Với mục tiêu tái cấu trúc các khoản đầu tư và xác định 3 mũi nhọn chiến lược là sản xuất công nghiệp, bất động sản và đầu tư tài chính, Ban Tổng Giám Đốc SAM Holdings đã chủ động tìm kiếm đối tác và thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty CP SAM Nông nghiệp Công nghệ cao, góp phần ghi nhận doanh thu tài chính trong năm 2024.

4.2. Đầu tư liên doanh - liên kết

STT	Tên công ty	Giá trị đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ trọng danh mục
1	Công ty CP Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy	721,9	50,77%
2	Công ty CP DVDL Phú Thọ	534,0	37,55%
3	Công ty CP Phú Hữu Gia	163,0	11,46%
4	Công ty CP Capella Việt Nam	3,1	0,22%
Tổng cộng		**827,3**	**100%**

4.3. Các khoản đầu dài hạn khác

STT	Tên công ty	Giá trị đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ trọng danh mục
1	TCT Sản xuất - XNK Bình Dương - CTCP	398,4	59,99%
2	Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	273,7	32,13%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	52,2	6,14%
4	Công Ty Cổ Phần Nông Lâm Nghiệp Trường Thành	14,4	1,69%
5	Công ty CP Vietferm	0,5	0,06%
Tổng cộng		**851,8**	**100,0%**

5. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2024

5.1. Tình hình tài chính

Tổng tài sản của SAM Holdings tại thời điểm 31/12/2024 đạt 6.375,6 tỷ đồng, giảm nhẹ 3,2% so với đầu năm. Với định hướng tiếp tục củng cố sức mạnh tài chính để chuẩn bị cho các dự án dài hạn, Ban Tổng Giám Đốc đã chủ động cơ cấu lại các khoản phải thu ngắn hạn và gia tăng dòng tiền mặt so với đầu kỳ.

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	31/12/2024	31/12/2023	Tăng/Giảm	
			Giá trị	% Thay đổi
TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.203,99	2.283,69	(79,70)	-3,5%
Tiền và tương đương tiền	547,31	480,45	66,86	13,9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29,60	39,52	(9,92)	-25,1%
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.075,59	1.223,97	(148,38)	-12,1%
Hàng tồn kho	502,69	497,48	5,21	1,0%
Tài sản ngắn hạn khác	48,80	42,28	6,52	15,4%
TÀI SẢN DÀI HẠN	4.171,58	4.308,20	(136,62)	-3,2%
Các khoản phải thu dài hạn	120,46	30,19	90,27	299,0%
Tài sản cố định	612,72	664,84	(52,12)	-7,8%
Bất động sản đầu tư	122,60	129,81	(7,21)	-5,6%
Tài sản dở dang dài hạn	1.113,23	1.205,50	(92,27)	-7,7%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.128,41	2.197,72	(69,31)	-3,2%
Tài sản dài hạn khác	74,16	80,15	(5,99)	-7,5%
TỔNG TÀI SẢN	**6.375,57**	**6.591,89**	**(216,32)**	**-3,3%**
NỢ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN	1.320,35	1.985,82	(665,47)	-33,5%
NỢ PHẢI TRẢ DÀI HẠN	374,55	262,77	111,78	42,5%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.680,67	4.606,07	74,60	1,6%
TỔNG NGUỒN VỐN	**6.375,57**	**6.591,89**	**(216,32)**	**-3,3%**
DOANH THU THUẦN	**4.049,21**	**2.200,12**	**1.849,09**	**84,0%**
LỢI NHUẬN TỪ HĐKD	203,68	62,55	141,13	225,6%
LỢI NHUẬN KHÁC	(22,36)	0,36	(22,72)	-6311,1%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	110,60	62,91	47,69	75,8%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	**95,30**	**33,27**	**62,03**	**186,4%**

5.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2023	2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,33	1,67
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,04	1,29
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,30	0,27
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,43	0,36
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	3,93	7,67
Vòng quay tổng tài sản	0,32	0,62
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,015	0,024
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,007	0,02
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,005	0,015
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,028	0,033

6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

6.1. Cổ phần

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2023	31/12/2024	GHI CHÚ
1	Tổng số cổ phần phát hành: - Cổ phần phổ thông - Cổ phần ưu đãi	379.960.971 379.960.971 -	379.960.971 379.960.971 -	
2	Số lượng cổ phần đang lưu hành	379.960.971	379.960.971	
3	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	379.960.971	379.960.971	
4	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	-	-	

6.1. Cơ cấu cổ đông

STT	ĐỐI TƯỢNG	SL CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SH (%)	SL CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
					TỔ CHỨC	CÁ NHÂN
1	Cổ Đông Nhà Nước	0	0	0	0	0
2	Cổ Đông Sáng Lập/ Cổ Đông FDI	0	0	0	0	0
	Trong Nước	0	0	0	0	0
	Nước Ngoài	0	0	0	0	0
3	Cổ Đông Lớn	0	0	0	0	0
	Trong Nước	0	0	0	0	0
	Nước Ngoài	0	0	0	0	0
4	Công Đoàn Công Ty	4.163	0.00	1	1	0
	Trong Nước	4	0,00	1	1	0
	Nước Ngoài	0	0	0	0	0
5	Cổ Phiếu Quỹ	0	0	0	0	0
6	Cổ Đông Sở Hữu Cổ Phiếu Ưu Đãi (Nếu Có)	0	0	0	0	0
7	Cổ Đông Khác	379.956.808	100,00%	18.374	79	18.295
	Trong Nước	377.524.649	99,36%	17.798	56	17.742
	Nước Ngoài	2.432.159	0,64%	576	23	553
TỔNG CỘNG		**379.960.971**	**100,00%**	**18.375**	**80**	**18.295**
	Trong Nước	377.528.812	99,36%	17.799	57	17.742
	Nước Ngoài	2.432.159	0,64%	576	23	553

6.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Qua 12 đợt tăng vốn, từ số vốn điều lệ ban đầu là 120 tỉ đồng, đến nay vốn điều lệ của Công ty đã chạm mốc 3.799 nghìn tỉ đồng. Nhận thấy tiềm năng phát triển của lĩnh vực bất động sản và bất động sản khu công nghiệp, Công ty đã tiến hành tăng vốn 934.6 tỉ đồng trong năm 2021 để triển khai đầu tư vào các lĩnh vực tiềm năng này.

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ *(tỷ đồng)*

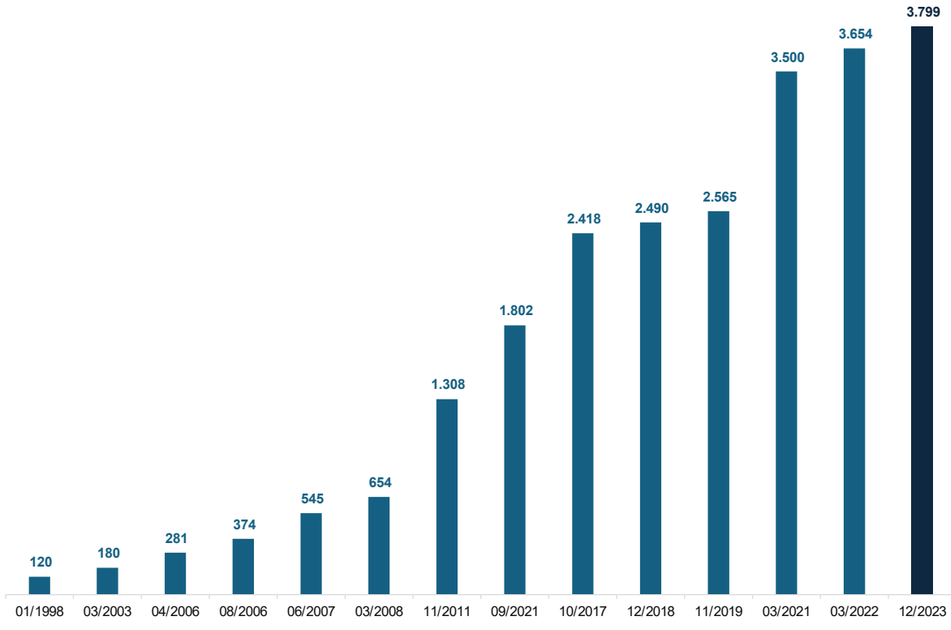

6.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

6.5. Chứng khoán khác

Không có

7. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty tập trung vào quản lý nguồn nhân lực, rà soát và đánh giá năng lực để phân bổ nhân sự phù hợp với chuyên môn, tinh gọn bộ máy tổ chức. Đồng thời, nâng cao vai trò và trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc nhằm đảm bảo hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp.

- Rà soát, cập nhật và điều chỉnh hệ thống quy trình và văn bản để hỗ trợ hoạt động chuyên môn của các phòng ban cũng như công tác điều hành của công ty.
- Cắt giảm chi phí hoạt động và kinh doanh, đảm bảo sử dụng ngân sách hợp lý và phù hợp với nhu cầu thực tế.
- Trong năm 2024, các biện pháp kiểm soát nội bộ đã được triển khai tại tất cả các phòng ban và ban quản lý dự án, giúp giảm thiểu sai sót và nâng cao độ chính xác của dữ liệu. Điều này đảm bảo tính liên kết chặt chẽ và chính xác trong dữ liệu tài chính – kế toán, hỗ trợ hoạt động kinh doanh và ra quyết định. Ngoài ra, công tác kiểm soát nội bộ còn giúp kịp thời phát hiện và cảnh báo các rủi ro tiềm ẩn, giúp Ban Tổng Giám Đốc quản lý nguồn lực hiệu quả hơn.

8. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Bước vào năm 2025, bối cảnh kinh tế toàn cầu và trong nước tiếp tục có nhiều biến động đáng chú ý. Tăng trưởng kinh tế thế giới dự kiến sẽ chậm lại do tác động của chính sách tiền tệ thắt chặt từ các ngân hàng trung ương lớn nhằm kiểm soát lạm phát. Bên cạnh đó, căng thẳng địa chính trị và những bất ổn trong chuỗi cung ứng toàn cầu vẫn là những yếu tố tiềm ẩn rủi ro cho thị trường. Tuy nhiên, xu hướng chuyển dịch dòng vốn đầu tư sang các nền kinh tế đang phát triển, đặc biệt là khu vực châu Á, có thể tạo ra cơ hội tăng trưởng mới. Những yếu tố như xu hướng tăng trưởng chậm tại các nền kinh tế lớn, chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương và sự chuyển dịch chuỗi cung ứng đang tạo ra cả thách thức lẫn cơ hội cho thị trường.

Tại Việt Nam, nền kinh tế vẫn duy trì mức tăng trưởng ổn định với dự báo GDP tăng khoảng 6,5-7%. Dòng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục chảy vào các lĩnh vực sản xuất, hạ tầng và công nghệ cao, cho thấy sự hấp dẫn của môi trường đầu tư trong nước. Tuy nhiên, doanh nghiệp cũng sẽ phải đối mặt với áp lực từ lạm phát, biến động tỷ giá và chi phí sản xuất gia tăng. Chính sách tài khóa và tiền tệ của Chính phủ sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì ổn định kinh tế và hỗ trợ doanh nghiệp thích ứng với bối cảnh mới. Những diễn biến này đặt ra yêu cầu đối với doanh nghiệp trong việc tối ưu hóa chiến lược phát triển để thích ứng với môi trường mới.

Trong bối cảnh đó, Ban Tổng Giám Đốc SAM Holdings xác định ba định hướng điều hành trọng tâm nhằm đảm bảo tăng trưởng bền vững và an toàn tài chính, bao gồm:

- Tiếp tục cơ cấu các khoản đầu tư hiện hữu nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn và giảm thiểu rủi ro. Công ty sẽ rà soát danh mục đầu tư, tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng cao, đồng thời điều chỉnh chiến lược phù hợp với diễn biến thị trường để nâng cao giá trị dài hạn.
- Nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro và tối ưu hóa nguồn vốn. Chúng tôi sẽ duy trì chiến lược tài chính thận trọng, đảm bảo dòng tiền linh hoạt, cơ cấu vốn hợp lý và tăng cường kiểm soát chi phí nhằm duy trì sự ổn định trong hoạt động kinh doanh.

Tích cực áp dụng phương thức điều hành tinh gọn, hiệu quả và nâng cao năng lực nhân sự. Công ty sẽ tập trung cải thiện quy trình quản lý, tăng cường tính linh hoạt trong vận hành và đẩy mạnh phát triển, đào tạo đội ngũ nhân sự chủ chốt nhằm nâng cao chuyên môn, tạo ra giá trị bền vững trong dài hạn.

Với định hướng như trên, Ban Tổng Giám Đốc SAM Holdings đặt ra các chỉ tiêu kinh doanh như sau

Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2025

Tiếp tục theo đuổi định hướng phát triển vào các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, củng cố và phát huy những hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả của các công ty thành viên.

- Đối với lĩnh vực sản xuất công nghiệp, SAM sẽ tiếp tục củng cố mảng kinh doanh thương mại truyền thống là dây và cáp điện, bên cạnh đó, Ban Tổng Giám Đốc cũng sẽ nghiên cứu và tiến hành mở rộng thêm các sản phẩm tiềm năng mới, đồng thời xem xét diễn biến thị trường để tiếp tục mở rộng mảng kinh doanh than, với phương châm giảm thiểu rủi ro khi tham gia hoạt động thương mại, tránh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất cốt lõi và an toàn tài chính.
- Tiếp nối thành công trong năm 2023 và 2024, SAM Tuyền Lâm sẽ tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả và triển khai kế hoạch mở rộng để STL trở thành dự án trọng điểm về du lịch tại thành phố Đà Lạt.
- SAM sẽ tiếp tục tái cấu trúc và hoàn thiện bộ máy nhằm đẩy nhanh các dự án trọng tâm của mình trong mảng bất động sản công nghiệp và bất động sản nhà ở nhằm nắm bắt thị trường bất động sản đang trên đà ấm lên cũng như sự ổn định từ chính sách vĩ mô của chính phủ trong thời kỳ mới.
- Đối với hoạt động đầu tư tài chính: SAM Holdings định hướng sẽ không thực hiện đầu tư tài chính ngắn hạn, chỉ thực hiện đầu tư chiến lược vào các doanh nghiệp tiềm năng.

Năm 2025, SAM Holdings đặt mục tiêu kinh doanh (hợp nhất) như sau:

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024	% tăng trưởng so với TH2024
Tổng doanh thu	3,539.08	4,165.65	84.96%
Doanh thu hoạt động SXKD	3,471.97	4,038.23	85.98%
Doanh thu tài chính	67.11	127.42	52.67%
Lợi nhuận trước thuế	125.62	110.60	113.58%

Kế hoạch nhân sự và vận hành, xây dựng thương hiệu

Về quản trị nguồn nhân lực, xây dựng thương hiệu và trách nhiệm cộng đồng: Ban Tổng Giám Đốc sẽ tiếp tục quyết tâm đẩy mạnh công tác đào tạo để nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp và kỷ luật trong toàn thể cán bộ nhân viên của Tập đoàn. Xây dựng thương hiệu SAM Holdings vững mạnh và uy tín với đối tác và thị trường.

Nhân sự và vận hành:

(i) Tiếp tục tuyển dụng, rà soát định biên nhân sự đảm bảo nhân lực cho hoạt động SXKD của toàn hệ thống tập đoàn được ổn định, liên tục.

(ii) Tiếp tục thể hiện sự quan tâm chăm đến người lao động, lên kế hoạch cho các chương trình trong năm: khám sức khoẻ, tham quan, du lịch, quà tặng cho người lao động vào các dịp lễ, tết... đề xuất thêm những phúc lợi cho người lao động để người lao động có thể gắn bó lâu dài, cống hiến năng lực cho sự phát triển của tập đoàn.

(iii) Triển khai hệ thống báo cáo công việc qua phần mềm quản lý nhân sự.

(iv) Tổ chức các chương trình đào tạo, nâng cao năng lực cho CBNV.

Trách nhiệm cộng đồng và môi trường:

(i) SAM Holdings luôn chú trọng vào nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật để tiết kiệm vật tư, nguyên liệu, năng lượng, giảm thiểu lượng phát thải CO2 và sản xuất ra những sản phẩm thân thiện với môi trường.

(ii) Chúng tôi hiểu rằng chia sẻ với cộng đồng là trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp. SAM Holdings sẽ tiếp tục đồng hành cùng những dự án cộng đồng, xã hội và nỗ lực tạo ra những sản phẩm có giá trị cao để phục vụ tốt hơn nhu cầu của xã hội.

Thương hiệu:

(i) Triển khai các chương trình truyền thông chiến lược và theo sự kiện.

(ii) Tiếp tục xây dựng, duy trì & phát huy mối quan hệ tốt đẹp với các cơ quan báo đài, phóng viên & các tổ chức có liên quan.

(iii) Tiếp tục triển khai các hoạt động liên quan đến quảng bá thương hiệu, gia tăng độ phủ nhận dạng thương hiệu.

Tiếp tục hoàn thiện các quy chế phối hợp và quản lý giữa SAM Holdings và các đơn vị thành viên nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tiết giảm chi phí.

Củng cố và phát huy những hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả của các công ty thành viên. Tiếp tục định hướng phát triển vào các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi:

- **Đối với lĩnh vực sản xuất công nghiệp,** SAM sẽ tiếp tục củng cố mảng kinh doanh thương mại truyền thống là dây cáp, bên cạnh đó, Ban Tổng Giám Đốc sẽ nghiên cứu và tiến hành mở rộng thêm các mặt hàng tiềm năng mới, bao gồm các sản phẩm nhôm, silicat..
- **Tiếp nối thành công trong năm 2023 và 2024,** SAM Tuyền Lâm (STL) sẽ tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả và triển khai kế hoạch mở rộng để STL trở thành dự án trọng điểm về du lịch tại thành phố Đà Lạt.
- **SAM sẽ tiếp tục tái cấu trúc và hoàn thiện bộ máy nhằm đẩy nhanh các dự án trọng tâm của mình trong mảng bất động sản công nghiệp,** một trong số đó là dự án Khu công nghiệp Tam Thăng 2 quy mô 103 ha, nằm trong khu kinh tế mở Chu Lai, một khu vực chiến lược trọng điểm phát triển công nghiệp của tỉnh Quảng Nam và là một đòn bẩy quan trọng của Vùng kinh tế trọng điểm Trung Bộ.
- **Đối với hoạt động đầu tư tài chính:** SAM Holdings định hướng sẽ tiếp tục định hướng không thực hiện đầu tư tài chính ngắn hạn, chỉ thực hiện đầu tư chiến lược vào các doanh nghiệp tiềm năng.

9. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển, SAM Holdings luôn nhận được sự đồng hành, hỗ trợ quý báu từ chính quyền và người dân địa phương. Thấu hiểu điều đó, Tập đoàn cam kết gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu kinh doanh với trách nhiệm xã hội, tích cực đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng. Ban lãnh đạo luôn chú trọng triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng hiệu quả, duy trì cảnh quan xanh – sạch – đẹp và tạo cơ hội việc làm ổn định cho người lao động địa phương. Đây không chỉ là trách nhiệm mà còn là kim chỉ nam trong mọi chiến lược phát triển của SAM Holdings, bên cạnh việc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

9.1. Tác động lên môi trường

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, các dự án của Tập đoàn trong lĩnh vực cho thuê văn phòng, sản xuất dây cáp, bất động sản nhà ở và nghỉ dưỡng đều được thiết kế và xây dựng theo các tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường. Không chỉ vậy, các dự án này còn đóng góp trực tiếp vào nền kinh tế địa phương, tạo thêm hàng trăm việc làm cho người dân, nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy sự phát triển của khu vực.

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không áp dụng.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không áp dụng.

9.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không áp dụng.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không áp dụng.

9.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không áp dụng.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có.

9.4. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: không đáng kể.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không áp dụng.

9.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

9.6. Đối với người lao động

Với phương châm luôn xác định con người là yếu tố cốt lõi, quyết định đến sự phát triển lớn mạnh và bền vững của doanh nghiệp, vì vậy, trong chiến lược quản trị nguồn nhân lực của mình, SAM Holdings không ngừng chú trọng tuyển dụng và đào tạo nhằm thu hút, phát triển lực lượng nhân sự trẻ, có trình độ chuyên môn cao, năng động, sáng tạo, giàu nhiệt huyết; Ban Tổng Giám Đốc luôn cố gắng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp với phúc lợi hấp dẫn. Trong giai đoạn tiếp theo, hoạt động nhân sự và vận hành tiếp tục được chuẩn hóa các quy trình để đồng bộ hơn từ SAM Holdings đến các công ty thành viên đáp ứng tối đa cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công tác hành chính, nhân sự và quan hệ lao động:

- Trong năm vừa qua, SAM Holdings luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật bao gồm trích nộp nghĩa vụ thuế và đóng bảo hiểm đúng hạn. Đồng thời, nâng mức hỗ trợ tiền ăn trưa cho tập thể CBCNV với mục tiêu tiếp tục cải thiện điều kiện làm việc và đời sống tập thể.
- Trong năm, phòng Vận hành SAM Holdings cũng đã triển khai mua bảo hiểm y tế không bắt buộc cho toàn bộ CBCNV của công ty nhằm nâng cao công tác hỗ trợ nhân viên bảo vệ sức khoẻ bản thân và người thân.
- Tập đoàn luôn luôn chú trọng công tác cải thiện môi trường làm việc, nhằm đảm bảo an toàn và sức khoẻ cho người lao động. Nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ nhân viên, hàng năm Tập đoàn phối hợp cùng Công đoàn Tổ chức các chương trình: Quốc tế thiếu nhi cho các cháu là con Người lao động; Tặng bánh trung thu cho Người lao động nhân dịp Tết trung thu; chuẩn bị quà Tết cho Người lao động, tổ chức khám sức khoẻ định kỳ, du lịch dã ngoại mang tinh thần team buildings...
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua các hoạt động đào tạo là một trong những giải pháp xuyên suốt được Ban Tổng Giám Đốc Tập đoàn chỉ đạo thực hiện trong suốt những năm qua, nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, sẵn sàng đối mặt và vượt qua những thách thức lớn. Tại SAM Tuyền Lâm, đã tổ chức đào tạo nghiệp vụ buồng phòng, lễ tân, nhà hàng, an ninh cho các trưởng bộ phận và nhân viên tại 3 đơn vị Khách sạn Swiss-bel Resort, SAM Tuyền Lâm Golf, SAM Tuyền Lâm Resort. Tại SAM Dây và Cáp đã đăng ký, sắp xếp lớp học An toàn vệ sinh lao động cho Nhân viên kỹ thuật tham gia. Tại SAM Chíp Sáng đã tổ chức lớp đào tạo quản lý toà nhà dành cho Cán bộ nhân viên.

9.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tiếp nối truyền thống trách nhiệm xã hội, SAM Holdings luôn tích cực tham gia và tài trợ cho các hoạt động cộng đồng tại nhiều địa phương, đặc biệt là Bình Dương, Lâm Đồng và TP. Hồ Chí Minh. Tập đoàn đã có những đóng góp ý nghĩa thông qua các chương trình an sinh xã hội, giáo dục và phát triển cơ sở hạ tầng. Những nỗ lực này không chỉ thể hiện cam kết của SAM Holdings đối với cộng đồng mà còn góp phần lan tỏa giá trị nhân văn trong hoạt động kinh doanh. Đặc biệt, với những đóng góp thiết thực tại địa phương nơi đặt trụ sở, Tập đoàn đã vinh dự được trao tặng Bằng khen ghi nhận những đóng góp tích cực, khẳng định vai trò của doanh nghiệp trong việc đồng hành cùng sự phát triển chung của xã hội.

9.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCK NN

Không áp dụng.

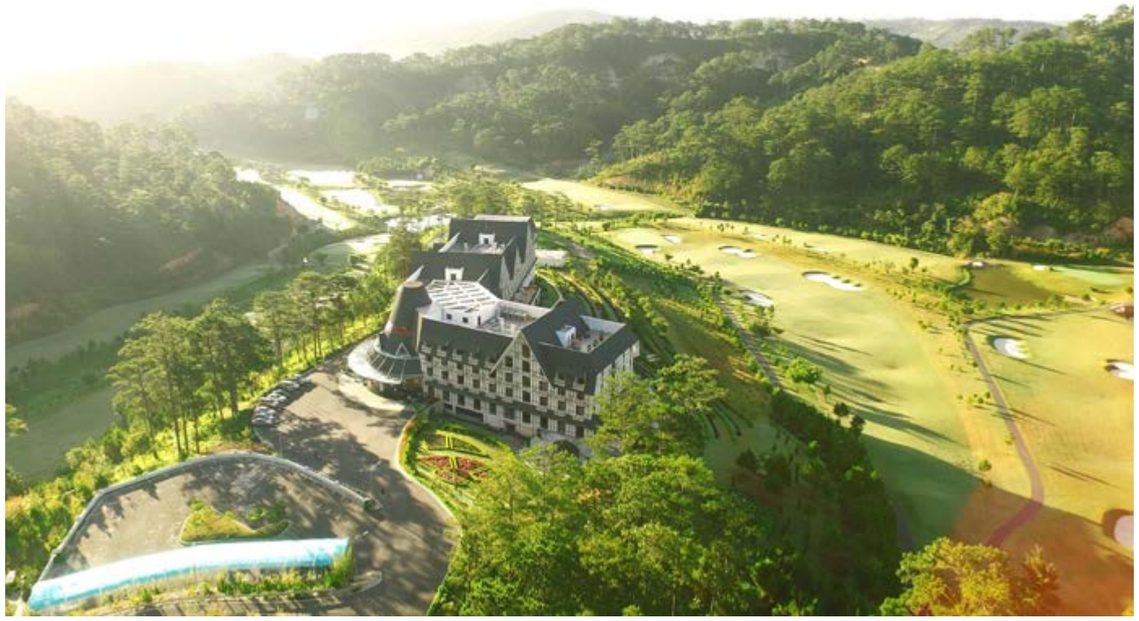

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá chung, Ban Tổng Giám Đốc và toàn thể CBCNV trong năm qua đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong công tác quản trị, điều hành, bám sát nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT để triển khai hoạt động kinh doanh trong năm 2024. Đã đạt được những những kết quả đáng ghi nhận, cụ thể với tổng doanh thu hợp nhất cả năm hoàn thành vượt 71,87% so với kế hoạch, trong đó doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng mạnh, vượt 80,30% so với kế hoạch đề ra và vượt 83,55% so với cùng kỳ năm 2023. Từ đó, lợi nhuận trước thuế trong năm 2024 đạt mức vượt 37,58% so với kế hoạch và vượt 75,81% so với cùng kỳ. Những thành công vượt bậc trong kết quả kinh doanh phần lớn được đóng góp từ các công ty thành viên của SAM Holdings với ba mảng cốt lõi là sản xuất công nghiệp (dây và cáp), bất động sản (cho thuê văn phòng và du lịch nghỉ dưỡng) và đầu tư tài chính.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Việc giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc đã được HĐQT thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, quy chế và quy định của pháp luật:

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý và thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng cùng với Ban Tổng Giám Đốc nhằm theo sát các hoạt động của Công ty và chỉ đạo kịp thời để thực hiện mục tiêu kinh doanh mà nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2024 và nghị quyết HĐQT trong năm 2024 đã ban hành thông qua;
- Các đề xuất của Ban Tổng Giám Đốc đều được HĐQT thảo luận tại các cuộc họp HĐQT, sau khi quyết nghị đều được giao cho Ban Tổng Giám Đốc tổ chức thực hiện kịp thời;
- Quá trình trình triển khai nghị quyết/quyết định của HĐQT, BĐH đã kịp thời báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện công việc;
- Theo dõi sát sao tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Ban Tổng giám đốc, giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch hàng tháng/quý/năm thông qua các báo cáo định kỳ;
- Phối hợp tích cực với công tác kiểm tra giám sát của UBKT giúp HĐQT theo dõi và nắm bắt tốt hơn tình hình hoạt động của Công ty để có thể ra các quyết sách kịp thời, đảm bảo duy trì và tăng cường cơ chế quản trị rủi ro cho hoạt động của SAM Holdings.
- Ban Tổng Giám Đốc luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật, UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước;
- Ban Tổng Giám Đốc thực hiện và tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ, bất thường đối với công ty niêm yết theo quy định của pháp luật;

Đánh giá chung, Ban Tổng Giám Đốc và toàn thể CBCNV trong năm qua đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong công tác quản trị, điều hành, bám sát nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT để triển khai hoạt động kinh doanh trong năm 2024. Đã đạt được những những kết quả đáng ghi nhận, cụ thể với tổng doanh thu hợp nhất cả năm hoàn thành vượt 71,87% so với kế hoạch, trong đó doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng mạnh, vượt 80,30% so với kế hoạch đề ra và vượt 83,55% so với cùng kỳ năm 2023. Từ đó, lợi nhuận trước thuế trong năm 2024 đạt mức vượt 37,58% so với kế hoạch và vượt 75,81% so với cùng kỳ. Những thành công vượt bậc trong kết quả kinh doanh phần lớn được đóng góp từ các công ty thành viên của SAM Holdings với ba mảng cốt lõi là sản xuất công nghiệp (dây và cáp), bất động sản (cho thuê văn phòng và du lịch nghỉ dưỡng) và đầu tư tài chính

3. Thực hiện trách nhiệm với cổ đông

Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ năm 2024 như sau:

Chỉ tiêu	Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2024	Kết quả Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ hoàn thành
1. Tổng doanh thu	2.423,78 tỷ đồng	4.165,65 tỷ đồng	171,87%
2. Lợi nhuận trước thuế	80,39 tỷ đồng	110,60 tỷ đồng	137,58%
3. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1% lợi nhuận sau thuế	1% lợi nhuận sau thuế	Thực hiện đúng NQ ĐHĐCĐ
4. Chia cổ tức	3%	Dự kiến không chia cổ tức (*)	
5. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập	ĐHĐCĐ giao cho HĐQT đàm phán, lựa chọn công ty kiểm toán trong danh sách 05 Công ty Kiểm toán được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 cho Công ty	Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.	Thực hiện đúng NQ ĐHĐCĐ

(*) Hội Đồng Quản Trị dự kiến trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua không chi trả cổ tức năm 2024, mục tiêu nhằm xây dựng nền tảng và tăng cường năng lực tài chính thông qua việc sử dụng lợi nhuận để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tái đầu tư vào các dự án trọng điểm cũng như phòng ngừa rủi ro suy thoái kinh tế có khả năng xảy ra cho Công ty.

4. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

Ban Tổng giám đốc đã xây dựng và báo cáo Hội đồng quản trị thông qua Dự thảo kế hoạch kinh doanh năm 2025 để trình Đại hội đồng cổ đông với chỉ tiêu kế hoạch doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế hợp nhất lần lượt là 3,539.08 tỷ đồng và 125.62 tỷ đồng, tăng trưởng về doanh thu là 84.96% về lợi nhuận là 113,58% so với năm 2024.

Năm 2025 sẽ là năm của chu kỳ nới lỏng toàn cầu. Lãi suất chính sách giảm sẽ hỗ trợ tăng trưởng kinh tế Mỹ và Khu vực đồng tiền chung châu Âu, nhưng không thúc đẩy đến mức làm bùng phát lại lạm phát. Tại Trung Quốc, các nhà hoạch định chính sách dường như quyết tâm đảm bảo tăng trưởng ổn định, đặc biệt là để ứng phó với khả năng tăng cao về mức thuế quan của Hoa Kỳ. Rủi ro xung đột địa chính trị giữa các khu vực mở rộng. Thế giới dưới thời kỳ Trump tồn tại nhiều bất định, khó dự báo. Nợ công các quốc gia cao, đặc biệt là nợ công tại Mỹ.

Tại Việt Nam, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng trên 10%, Quốc hội giao chỉ tiêu tăng trưởng 8%, cao hơn so với 2024. Xuất nhập khẩu dự kiến tăng trưởng nhờ phục hồi của các thị trường mũi nhọn trong làn sóng kích thích kinh tế toàn cầu. Giải ngân FDI dự kiến tăng mạnh khi các tập đoàn lớn như NVIDIA triển khai đầu tư và Làn sóng Trung Quốc dự kiến tiếp diễn. Bên cạnh những cơ hội cũng xuất hiện những thách thức như: Trạng thái nền kinh tế hấp thụ vốn chưa hiệu quả có thể khiến mục tiêu tăng trưởng GDP của Việt Nam không thể đạt được kế hoạch đề ra. Sắp xếp bộ máy quản lý nhà nước, sát nhập tỉnh thành có thể ảnh hưởng tới dòng chảy vốn đầu tư của các tập đoàn kinh tế và tiến độ pháp lý các dự án.

Trước những rủi ro và thách thức của sự thay đổi môi trường kinh doanh, chính sách trong và ngoài nước. SAM Holdings vẫn tập trung thực hiện các mục tiêu chiến lược chính đã được HĐQT đề ra như sau: Tiếp tục tái cấu trúc danh mục đầu tư, hoàn thiện, tinh gọn bộ máy tổ chức; Tập trung nguồn lực kiên định thúc đẩy phát triển trên 3 lĩnh vực trụ cột là Đầu tư tài chính – Bất động sản – Sản xuất công nghiệp. Hội đồng quản trị đánh giá những mục tiêu kinh doanh năm 2025 của SAM Holdings đặt ra là phù hợp với nguồn lực hiện có của SAM. Hội đồng Quản trị tin tưởng rằng với những kết quả đã đạt được trong năm 2024, những giải pháp rõ ràng của Ban Tổng Giám Đốc cùng sự chung sức, chung lòng của toàn thể cán bộ nhân viên, SAM Holdings hoàn toàn có thể thực hiện thành công các mục tiêu trên.

Trên cơ sở dự báo và nhận định này, HĐQT đã thống nhất định hướng hoạt động và những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024 như sau:

Về hoạt động kinh doanh:

- Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2025;
- Hỗ trợ, giám sát Ban TGĐ trong triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện các mục tiêu đã đề ra;
- Tập trung nguồn lực vào lĩnh vực hoạt động chiến lược đã xác định, chuẩn hóa danh mục đầu tư, gắn liền với chiến lược số hóa và hướng đến việc khẳng định tính bền vững, tính chuyên nghiệp, tính khác biệt của thương hiệu SAM Holdings;
- Hỗ trợ Ban Tổng Giám Đốc tìm kiếm và tiếp cận nguồn vốn đầu tư, xây dựng kế hoạch tài chính đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn để đầu tư phát triển các dự án của Công ty;
- Tăng cường quan hệ, mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, để tìm kiếm và xúc tiến các cơ hội đầu tư cho Công ty vào các lĩnh vực công nghiệp, bất động sản và đầu tư tài chính.

Về hoạt động quản trị:

- Kịp thời ban hành các văn bản để đảm bảo các hoạt động của SAM Holdings tuân thủ theo quy định của pháp luật;
- Không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động quản trị Công ty để đáp ứng các quy chuẩn ngày càng cao của pháp luật Việt Nam, nâng cao hiệu quả kinh doanh và bảo vệ tốt quyền lợi của cổ đông;
- Tái cấu trúc và tổ chức lại bộ máy theo hướng tinh gọn và chuyên nghiệp. Tách biệt rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, giảm bớt tầng lớp trung gian và tăng tính hiệu quả, trách nhiệm của nhân sự đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo, quản lý;
- Củng cố và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt quan tâm đến công tác quy hoạch đội ngũ lãnh đạo chủ chốt đối với các đơn vị thành viên, đơn vị kinh doanh.
- Tiếp tục xây dựng và kiện toàn công tác quan hệ cổ đông. Thực hiện công bố thông tin kịp thời, minh bạch, công khai về tình hình quản trị công ty cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan chức năng, bảo đảm lợi ích cao nhất cho cổ đông;
- Chỉ đạo tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện về chính sách nhân sự, chế độ lương thưởng và các phụ cấp để thực hiện chiến lược của Công ty đã được xác định cho những năm tới vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị

ÔNG TRẦN VIỆT ANH – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (*)

- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ quản trị
- **Chức vụ đã và đang nắm giữ tại công ty:** Chủ tịch Hội đồng quản trị
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ; Chủ tịch HĐQT CTCP Công viên nước Đầm Sen; Thành viên HĐQT Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương; Thành viên HĐQT CTCP Địa ốc Sacom
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại ngày 18/03/2025:** 0,00%

ÔNG PHƯƠNG XUÂN THỤY – PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ kinh doanh
- **Chức vụ đã và đang nắm giữ tại công ty:** Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Infinity; Chủ tịch HĐQT CTCP Sacom Tuyền Lâm; Thành viên HĐQT CTCP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ; Thành viên HĐQT Công ty CP công viên nước Đầm Sen; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần SJ Group
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại ngày 18/03/2025:** 0,00%

ÔNG HOÀNG LÊ SƠN – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP (*)

- **Trình độ chuyên môn:** Tiến sỹ
- **Chức vụ đã và đang nắm giữ tại công ty:** Thành viên Hội đồng quản trị - Chủ tịch Ủy Ban Kiểm Toán
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dược OPC; Thành viên HĐQT Công ty CP Công nghệ Tài chính EnCapital
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại ngày 18/03/2025:** 0,00%

ÔNG BÙI QUANG BÁCH – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ kinh doanh
- **Chức vụ đã và đang nắm giữ tại công ty:** Thành viên Hội đồng quản trị độc lập - Thành viên Ủy Ban Kiểm Toán
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Thành viên HĐQT CTCP Chứng khoán Quốc gia; Thành viên HĐQT CTCP Bất động sản Capella; Thành viên HĐQT CTCP Tasco; Thành viên HĐQT CTCP DNP Holding; Chủ tịch HĐQT Công ty CP SJ Group
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại ngày 18/03/2025:** 0,00%

ÔNG PHẠM HỒNG ĐIỆP – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- **Chức vụ đã và đang nắm giữ tại công ty:** Thành viên Hộ đồng quản trị độc lập
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Chủ tịch HĐQT CTCP Shinec; Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại ngày 18/03/2025:** 0,00%

(*) Nghị quyết Hội đồng quản trị số 28/2024/NQ-HĐQT ngày 12/11/2024 quyết định thông qua việc miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT với Ông Hoàng Lê Sơn và Bổ nhiệm Ông Trần Việt Anh là Chủ tịch HĐQT. Ông Hoàng Lê Sơn vẫn giữ chức vụ thành viên hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024

Các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Việt Anh	19	100%	
2	Ông Phương Xuân Thụy	19	100%	
3	Ông Hoàng Lê Sơn	19	100%	
4	Ông Bùi Quang Bách	19	100%	
5	Ông Phạm Hồng Điệp	19	100%	

Trong năm 2024, thực hiện quy định tại Luật doanh nghiệp, điều lệ tổ chức và hoạt động, quy chế hoạt động của HĐQT, đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2024 và HĐQT đã tiến hành 19 cuộc họp HĐQT dưới các phương thức: trực tiếp, online và xin ý kiến HĐQT bằng văn bản để ra các nghị quyết, quyết định quan trọng nhằm định hướng chỉ đạo kịp thời các hoạt động của SAM Holdings đạt hiệu quả, các nghị quyết, quyết định quan trọng như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	02/2024/NQ-HĐQT	29/01/2024	Về việc thông qua phát hành thư bảo lãnh không hủy ngang để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ tín dụng của Công ty cổ phần Dây và Cáp Sacom tại BIDV- Chi nhánh Đồng Nai	100%
2	04/2024/NQ-HĐQT	06/02/2024	Thông qua việc điều chỉnh loại chứng khoán của cổ đông	100%
3	06/2024/NQ-HĐQT	21/02/2024	Thông qua chủ trương thực hiện giao dịch với Người/Tổ chức có liên quan đến Công ty năm 2024	100%
4	08/2024/NQ-HĐQT	27/02/2024	Thông qua thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 của SAM Holdings	100%
5	10/2024/NQ-HĐQT	25/03/2024	Thông qua bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần SAM Holdings	100%
6	12/2024/NQ-HĐQT	03/04/2024	Thông qua phát hành thư bảo lãnh không hủy ngang để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ tín dụng của Công ty cổ phần Dây và Cáp Sacom tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – CN Sài Gòn	100%
7	14/2024/NQ-HĐQT	03/05/2024	Thông qua phát hành thư bảo lãnh không hủy ngang để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ tín dụng của Công ty cổ phần Dây và Cáp Sacom tại Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	100%
8	16/2024/NQ-HĐQT	10/06/2024	Thông qua việc bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty cổ phần Dây và Cáp SACOM đối với Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Bến Thành	100%
9	18/2024/NQ-HĐQT	19/06/2024	Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2024	100%
10	20/2024/NQ-HĐQT	26/06/2024	Về việc thông qua bão lãnh vay vốn của Công ty cổ phần Dây và Cáp SACOM đối với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	100%
11	20.1/2024/NQ-HĐQT	02/08/2024	Về việc điều chỉnh TSĐB cho khoản vay TPB	100%
12	22/2024/NQ-HĐQT	21/08/2024	Thông qua việc bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty cổ phần Dây và Cáp SACOM đối với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	100%
13	24/2024/NQ-HĐQT	27/08/2024	Thông qua việc vay vốn tại ngân hàng TPB	100%
14	26/2024/NQ-HĐQT	04/09/2024	Thông qua việc bổ nhiệm chức danh Phó TGĐ	100%
15	28/2024/NQ-HĐQT	12/11/2024	Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT với Ông Hoàng Lê Sơn và Bổ nhiệm Ông Trần Việt Anh là Chủ tịch HĐQT	100%
16	29/2024/NQ-HĐQT	12/11/2024	Thông qua việc bổ nhiệm chức danh Ông Trần Quang Khang làm Tổng giám đốc	100%
17	31/2024/NQ-HĐQT	16/12/2024	Thông qua việc bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty cổ phần Dây và Cáp SACOM đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Nai	100%
18	33/2024/NQ-HĐQT	23/12/2024	Thông qua việc bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty cổ phần Dây và Cáp SACOM đối với Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Điện Biên Phủ	100%
19	35/2024/NQ-HĐQT	24/12/2024	Thông qua việc bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty cổ phần Dây và Cáp SACOM đối với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	100%
20	37/2024/NQ-HĐQT	24/12/2024	Thông qua việc bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty cổ phần Dây và Cáp SACOM đối với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Sài Gòn – TTKD KHDN Sailing (“VIB”)	100%

1.3. Báo cáo của thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT

Hoạt động của HĐQT trong năm 2024 đã được tổ chức, triển khai tuân thủ Điều lệ của Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật hiện hành, thực hiện đầy đủ các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Thành viên HĐQT độc lập cùng với các Thành viên trong HĐQT đã tích cực thảo luận, đưa ý kiến trong quá trình xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành; theo dõi, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp; giám sát, đánh giá công tác quản trị rủi ro, phê duyệt, giám sát các hợp đồng, giao dịch với người liên quan, giao dịch liên kết theo quy định. Thành viên độc lập HĐQT tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT trong năm 2024.

Chi tiết báo cáo đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập như sa u:

Về cơ cấu tổ chức HĐQT

Cơ cấu tổ chức của HĐQT bảo đảm tuân thủ Điều lệ và pháp luật về số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên, cũng như đáp ứng các quy định pháp luật về cơ cấu thành viên độc lập.

Về cơ chế vận hành hoạt động

HĐQT đã tiến hành 19 cuộc họp HĐQT dưới các phương thức: trực tiếp, trực tuyến và xin ý kiến HĐQT bằng văn bản để ra các nghị quyết, quyết định định hướng chiến lược, chỉ đạo hoạt động của Công ty cổ phần Sam Holdings trong từng thời kỳ, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT. Các phiên họp HĐQT được tổ chức đầy đủ, hợp lệ đảm bảo trình tự, thủ tục, thể thức theo quy định.

Về hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong năm

Thành viên độc lập HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT (đạt tỷ lệ 100% số cuộc họp). Thành viên độc lập HĐQT đã xem xét, cho ý kiến và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền.

Bên cạnh đó, trong năm 2024, thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT, đồng thời thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT.

Đánh giá thành viên HĐQT độc lập đối với hoạt động của HĐQT

HĐQT đã xác định hoạt động kinh doanh năm 2024 có nhiều khó khăn, thách thức do tình hình kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế diễn biến bất lợi. Do vậy, công tác quản trị, điều hành cần linh hoạt, kịp thời và phù hợp với diễn biến thị trường.

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc triển khai thực hiện các kế hoạch, chủ trương, định hướng chiến lược do ĐHĐCĐ đề ra trước đó. HĐQT đã tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định về quản trị công ty, triệu tập các cuộc họp định kỳ và bất thường để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, cũng như thông qua các quyết sách phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo lợi ích cho Công ty và Cổ đông.

Các thành viên HĐQT thường trực thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của BĐH để giải quyết các vấn đề phát sinh trong Công ty. Các quyết định quan trọng của BĐH đều được phân tích, phản biện và tham vấn từ các thành viên HĐQT nhằm bảo đảm lợi ích của Công ty.

HĐQT đã tiếp tục chỉ đạo xây dựng và ban hành, triển khai nhiều quy định, quy chế, chính sách mới nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị điều hành, kinh doanh.

Trong năm 2024, HĐQT đã thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát BĐH thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời hài hòa lợi ích của Công ty và các cổ đông hiện hữu.

1.4. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Không có

2. CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - ỦY BAN KIỂM TOÁN

2.1. Thành viên và cơ cấu Ủy Ban Kiểm Toán

STT	Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy Ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Hoàng Lê Sơn	Chủ tịch UBKT	Bắt đầu từ 30/6/2022	Tiến sỹ
2	Bùi Quang Bách	Thành viên	Bắt đầu từ 30/07/2021	Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

Cơ Chế Hoạt Động của Ủy Ban Kiểm Toán

UBKT hoạt động theo Quy chế hoạt động của UBKT do HĐQT ban hành phù hợp với Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật hiện hành (Luật doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định 155 hướng dẫn Luật Chứng khoán, Thông tư 116 Hướng dẫn Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định 155).

Thù lao và chi phí hoạt động của UBKT

Về thù lao của Ủy Ban kiểm toán năm 2024: chi tiết thù lao của các thành viên Ủy Ban kiểm toán được thể hiện trong báo cáo hoạt động HĐQT. Ngoài phần thù lao này, các thành viên UBKT không hưởng thêm các khoản lợi ích hay thù lao nào khác.

Chi phí hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2024: tuân thủ theo các quy định và quy chế nội bộ của Công ty Cổ phần SAM Holdings.

2.2. Hoạt động của Ủy Ban Kiểm Toán

Các cuộc họp của Ủy Ban Kiểm Toán

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Hoàng Lê Sơn	Chủ tịch UBKT	3	100%	100%
2	Ông Bùi Quang Bách	Thành Viên	3	100%	100%

Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

UBKT thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT đồng thời thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc (BĐH) thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và Tổng Giám đốc (TGĐ).

Hoạt động giám sát của UBKT được triển khai qua các kênh báo cáo và tiếp xúc với các thành viên HĐQT, thành viên BTGĐ, các cán bộ quản lý liên quan và luôn nhận được sự hợp tác phối hợp thực hiện tốt từ các đơn vị liên quan.

UBKT thực hiện báo cáo kết quả giám sát lên HĐQT.

Kết quả giám sát của Ủy ban Kiểm toán

Tình hình thực hiện nghị quyết HĐQT

Sau ĐHĐCĐ 2024 ban hành Nghị quyết, HĐQT đã tổ chức thực hiện họp và thảo luận công khai, minh bạch, cẩn trọng để đi đến quyết định thống nhất trước khi ra nghị quyết về các vấn đề quan trọng của công ty. Các Nghị quyết đều được dựa trên chủ trương được ĐHĐCĐ đã thông qua.

Ban Tổng Giám Đốc nghiêm túc thực hiện các nghị quyết của HĐQT đã ban hành và được theo dõi, báo cáo tình hình thực hiện bởi thư ký HĐQT.

Báo cáo tài chính và hệ thống kế toán:

UBKT đã xem xét và thông qua báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 trên cơ sở kết quả kiểm toán độc lập. BCTC 2024 đã được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty. Không phát hiện sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính.

Các chính sách kế toán và nguyên tắc xác định ước tính kế toán được áp dụng nhất quán, phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty.

Các giao dịch với các bên liên quan được kiểm soát và tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ, không phát hiện xung đột lợi ích trong các giao dịch với bên liên quan.

Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro

Hoạt động KSNB của Công ty đang được triển khai cơ bản hiệu quả, các quy trình hoạt động đã được ban hành và cập nhật hoàn thiện để có thể phát hiện kịp thời, đánh giá phù hợp và có hành động xử lý thích hợp giảm các rủi ro trọng yếu (pháp lý, tài chính, hoạt động...).

Rủi ro thị trường tài chính, thị trường vốn, lãi suất, tỷ giá đã tác động lớn đến hoạt động công ty, nhất là mảng đầu tư tài chính, bất động sản trong năm qua, ảnh hưởng rất lớn đến các chỉ số kinh doanh và tài chính của công ty. Nhận thức được những rủi ro đó, công ty đã tập trung quản lý các vấn đề này, soạn thảo và ban hành quy chế, quy trình đầu tư và quản lý đầu tư, giám sát các hoạt động đầu tư, huy động vốn để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro.

Kiểm toán nội bộ (KTNB):

Chức năng KTNB đang hoạt động hiệu quả, góp phần cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ. Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ quy định theo Quy chế KTNB, Bộ phận cũng tham gia tư vấn xây dựng các quy chế, quy trình hoạt động.

Năm 2024 UBKT đánh giá KTNB đã hoàn thành công việc được giao theo kế hoạch hoạt động. Kết quả KTNB cho thấy các quy trình tại các đơn vị được kiểm toán được tuân thủ, các vấn đề phát hiện và rủi ro liên quan được đánh giá ở mức trung bình, các phát hiện rủi ro và kiến nghị của KTNB đã được các đơn vị tiếp thu và xây dựng kế hoạch, phương án khắc phục.

Các vấn đề tuân thủ pháp luật:

Các vấn đề pháp lý và rủi ro pháp lý được quản lý hiệu quả, hỗ trợ bảo vệ lợi ích của công ty. Bộ phận Pháp lý của Công ty thường xuyên cập nhật các thay đổi quy định pháp luật trong quản lý doanh nghiệp, luật đất đai và thị trường chứng khoán, đồng thời kiến nghị các giải pháp phù hợp đảm bảo Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật.

Đánh giá kết quả và chất lượng Kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã hoàn thành nhiệm vụ, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng kiểm toán đã ký kết với SAM, đảm bảo độ tin cậy, trung thực và chất lượng của báo cáo kiểm toán BCTC; tuân thủ thời hạn kiểm toán theo quy định; tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Họ Tên	Chức danh	Thù lao (đồng)	Ghi chú
1	Trần Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	203.447.828	Bổ nhiệm ngày 25/06/2020
2	Phương Xuân Thuỵ	Phó Chủ tịch HĐQT	465.600.000	Bổ nhiệm ngày 25/06/2020
3	Bùi Quang Bách	Thành viên HĐQT	264.000.000	Bổ nhiệm ngày 26/04/2021
4	Hoàng Lê Sơn	Thành viên HĐQT	480.000.000	Bổ nhiệm ngày 25/06/2020
5	Phạm Hồng Điệp	Thành viên HĐQT	120.000.000	Từ nhiệm ngày 21/04/2023
6	Nguyễn Tiến Việt	Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký HĐQT	84.000.000	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
	Tổng cộng		**1.617.047.828**	

Tổng thù lao Hội đồng quản trị năm 2024 là 1.617.047.828 đồng, tương ứng 52,16% Tổng thù lao được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt.

Ngoài thù lao Hội đồng quản trị, chi tiết lương và các lợi ích khác của Ban tổng giám đốc tại mục 43 thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Tố Uyên	Vợ ông Nguyễn Tiến Việt – Thư ký HĐQT công ty	2.000	0,00%	0	0%	Bán

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ công ty

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCD/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	CTCP Sacom - Tuyên Lâm	Công ty con	5800855363 thay đổi lần 7 ngày 13/07/2016 tại Sở KH&ĐT Lâm Đồng	Phân khu chức năng số 7 và 8, Khu du lịch Hồ Tuyền Lâm, Phường 3, TP Đà Lạt, Lâm Đồng	01/01/2024 - 31/12/2024	Nghị quyết số 06/2023/ NQ-HĐQT ngày 21/02/2024	Chi phí lãi vay: 23,226,430,994 VNĐ Nghiệp vụ mua hàng: 197,135,184 VNĐ Trả nợ (Gốc vay): 100,000,000,000 VNĐ Trả tiền mua hàng: 213,126,000 VNĐ
2	CTCP Dây và Cáp Sacom	Công ty con	3602502436 thay đổi lần 6 ngày 09/07/2018 tại Sở KH&ĐT Đồng Nai	Đường số 4, Khu công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Đồng Nai	01/01/2024 - 31/12/2024	Nghị quyết số 06/2023/ NQ-HĐQT ngày 21/02/2024	Chi phí lãi vay: 828,292,313 VNĐ Cho vay: 43,000,000,000 VNĐ Cổ tức: 7,494,000,000 VNĐ Lãi cho vay: 532,520,549 VNĐ Nhận nợ vay: 22,482,000,000 VNĐ Thu nợ (Gốc vay): 43,000,000,000 VNĐ Thu nợ (Lãi vay): 532,520,549 VNĐ Thu tiền bán hàng: 75,000 VNĐ Trả nợ vay (Lãi vay): 726,854,794 VNĐ
3	CTCP Địa ốc Sacom	Công ty con	3601028125 thay đổi lần 10 ngày 14/08/2018 tại Sở KH&ĐT Đồng Nai	Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	01/01/2024 - 31/12/2024	Nghị quyết số 06/2023/ NQ-HĐQT ngày 21/02/2024	Chi phí lãi vay: 726,854,794 VNĐ Hoàn trả lại vốn hợp tác đầu tư: 15,905,302,000 VNĐ Nhận nợ vay: 45,900,000,000 VNĐ Nhận vốn hợp tác đầu tư: 1,300,000,000 VNĐ Trả nợ (Gốc vay): 45,900,000,000 VNĐ
4	Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty con	0310429832 thay đổi lần 6 ngày 09/09/2015 tại Sở KH&ĐT TP HCM	Lô T2-4, Tầng 8, Khu công nghệ cao, Đường D1, Phường Tân Phú, Quận 9, TP HCM	01/01/2024 - 31/12/2024	Nghị quyết số 06/2023/ NQ-HĐQT ngày 21/02/2024	Chi phí lãi vay: 4,773,041,104 VNĐ Cổ tức: 17,854,875,000 VNĐ
5	CTCP Sam Nông ng-hiệp Công nghệ cao	Công ty con	6400357742 thay đổi lần 4 ngày 08/08/2018 tại Sở KH&ĐT Đắk Nông	Thôn 7, Xã Trường Xuân, Huyện Đắk Song, Tỉnh Đắk Nông	01/01/2024 - 31/12/2024	Nghị quyết số 06/2023/ NQ-HĐQT ngày 21/02/2024	Lãi cho vay: 383,945,204 VNĐ Lãi hợp tác đầu tư phải thu: 2,208,716,098 VNĐ Thoái vốn: 72,000,000,000 VNĐ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCD/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
6	CTCP Capella Quảng Nam	Công ty con	4001061041 thay đổi đăng ký lần 6 ngày 31/05/2021 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam	Khu công nghiệp Tam Thăng 2, Xã Tam thăng, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	01/01/2024 - 31/12/2024	Nghị quyết số 06/2023/ NQ-HĐQT ngày 21/02/2024	Chi phí lãi vay: 3,818,432,875 VNĐ
7	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nam Tây Nguyên	Công ty con	6400431001 đăng ký lần đầu ngày 29/01/2021 tại Sở KH&ĐT Đắk Nông	Đường 23/3, Phường Nghĩa Thành, TP Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam	01/01/2024 - 31/12/2024	Nghị quyết số 06/2023/ NQ-HĐQT ngày 21/02/2024	Hoàn trả lại vốn hợp tác đầu tư: 58,735,000,000 VNĐ Nhận vốn hợp tác đầu tư: 75,000,000,000 VNĐ
8	CTCP Dịch Vụ Du Lịch Phú Thọ	Công ty liên kết	0301074118 cấp ngày 21/07/2006 Nơi cấp: Sở KH & ĐT TPHCM	15 Đường Số 2 Cư Xá Lữ Gia, Quận 11, Hồ Chí Minh	01/01/2024 - 31/12/2024	Nghị quyết số 06/2023/ NQ-HĐQT ngày 21/02/2024	Nghiệp vụ mua hàng: 142,897,110 VNĐ Trả tiền mua hàng: 130,469,000 VNĐ
9	CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Công ty liên kết	0312738674 cấp ngày 15/04/2014 tại Sở KH&ĐT TP Hà Nội	Ô 27 khu 7,2ha, tổ 17, cụm 3, Phường Vinh Phúc, Quận Ba Đình, Hà Nội	01/01/2024 - 31/12/2024	Nghị quyết số 06/2023/ NQ-HĐQT ngày 21/02/2024	Thoái vốn: 93,300,000,000 VNĐ
10	CTCP Phú Hữu Gia	Công ty liên kết	3600941389 do Sở KH và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11/02/2007	Số 11, Ấp Cầu Kè, Xã Phú Hữu, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	01/01/2024 - 31/12/2024	Nghị quyết số 06/2023/ NQ-HĐQT ngày 21/02/2024	Chi phí lãi vay: 1,635,703,671 VNĐ Cho vay: 3,050,000,000 VNĐ Lãi cho vay: 975,675,892 VNĐ Nhận nợ vay: 86,260,000,000 VNĐ Thu nợ (Gốc vay): 13,740,000,000 VNĐ Thu nợ (Lãi vay): 2,216,551,238 VNĐ Trả nợ (Gốc vay): 1,700,000,000 VNĐ Trả nợ (Lãi vay): 2,216,551,238 VNĐ
11	CTCP Dược OPC	Tổ chức liên quan người nội bộ	0302560110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp ngày 25/03/2002	1017 Hồng Bàng, P.12, Q.6, T.P Hồ Chí Minh	01/01/2024 - 31/12/2024	Nghị quyết số 06/2023/ NQ-HĐQT ngày 21/02/2024	Nghiệp vụ mua hàng: 41,595,110 VNĐ Trả tiền mua hàng: 44,845,199 VNĐ
12	CTCP Chứng khoán Quốc Gia	Tổ chức liên quan người nội bộ	27/UBCK-GPHĐKD do UBCK NN cấp ngày 15/12/2006	Tầng 05 SAMSORA 105 Chu Văn An – Yết Kiêu – Hà Đông – Hà Nội	01/01/2024 - 31/12/2024	Nghị quyết số 06/2023/ NQ-HĐQT ngày 21/02/2024	Nhận nợ vay: 20,592,058,579 VNĐ Trả nợ (Gốc vay): 30,681,857,158 VNĐ
13	CTCP Bảo Hiểm Hùng Vương	Tổ chức liên quan người nội bộ	50/GPDDC12/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 15/07/2022	126 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình- Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh	01/01/2024 - 31/12/2024	Nghị quyết số 06/2023/ NQ-HĐQT ngày 21/02/2024	Nghiệp vụ mua hàng: 1,217,595,391 VNĐ Trả tiền mua hàng: 1,332,865,133 VNĐ

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

Không có

Giao dịch giữa công ty với đối tượng khác

- Ngày 29/01/2024, HĐQT Công ty CP SAM Holdings đã thông qua việc phát hành thư bảo lãnh cho Công ty cổ phần Dây và Cáp SACOM tại BIDV- Chi nhánh Đồng Nai. Người liên quan là ông Trần Việt Anh thuộc TV. HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc của 2 công ty nêu trên;
- Ngày 03/04/2024, HĐQT Công ty CP SAM Holdings đã thông qua phát hành thư bảo lãnh không hủy ngang để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ tín dụng của Công ty cổ phần Dây và Cáp Sacom tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – CN Sài Gòn. Người liên quan là ông Trần Việt Anh thuộc TV. HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc của 2 công ty nêu trên;
- Ngày 03/05/2024, HĐQT Công ty CP SAM Holdings đã thông qua phát hành thư bảo lãnh không hủy ngang để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ tín dụng của Công ty cổ phần Dây và Cáp Sacom tại Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Người liên quan là ông Trần Việt Anh thuộc TV. HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc của 2 công ty nêu trên;
- Ngày 10/06/2024, HĐQT Công ty CP SAM Holdings đã thông qua việc bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty cổ phần Dây và Cáp SACOM đối với Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Bến Thành. Người liên quan là ông Trần Việt Anh thuộc TV. HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc của 2 công ty nêu trên;
- Ngày 26/06/2024, HĐQT Công ty CP SAM Holdings đã thông qua bão lãnh vay vốn của Công ty cổ phần Dây và Cáp SACOM đối với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai, Người liên quan là ông Trần Việt Anh thuộc TV. HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc của 2 công ty nêu trên;
- Ngày 21/08/2024, HĐQT CTCP SAM Holdings đã thông qua việc bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty cổ phần Dây và Cáp SACOM đối với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Người liên quan là ông Trần Việt Anh thuộc TV. HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc của 2 công ty nêu trên;
- Ngày 16/12/2024, HĐQT CTCP SAM Holdings đã Thông qua việc bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty cổ phần Dây và Cáp SACOM đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Nai. Người liên quan là ông Trần Việt Anh thuộc TV. HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc của 2 công ty nêu trên;
- Ngày 23/12/2024, HĐQT CTCP SAM Holdings đã Thông qua việc bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty cổ phần Dây và Cáp SACOM đối với Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Điện Biên Phủ. Người liên quan là ông Trần Việt Anh thuộc TV. HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc của 2 công ty nêu trên;
- Ngày 24/12/2024, HĐQT CTCP SAM Holdings đã Thông qua việc bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty cổ phần Dây và Cáp SACOM đối với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Người liên quan là ông Trần Việt Anh thuộc TV. HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc của 2 công ty nêu trên;
- Ngày 24/12/2024, HĐQT CTCP SAM Holdings đã Thông qua việc bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty cổ phần Dây và Cáp SACOM đối với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Sài Gòn – TTKD KHDN Sailing (“VIB”) . Người liên quan là ông Trần Việt Anh thuộc TV. HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc của 2 công ty nêu trên;

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành

Không có

Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác.

Không có

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2024

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SAM Holdings (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SAM Holdings được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600253537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30 tháng 03 năm 1998, thay đổi lần thứ 31 ngày 25 tháng 11 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 127 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Trần Việt Anh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12/11/2024
Ông	Phương Xuân Thụy	Phó Chủ tịch	
Ông	Hoàng Lê Sơn	Thành viên Chủ tịch	 Miễn nhiệm ngày 12/11/2024
Ông	Bùi Quang Bách	Thành viên	
Ông	Phạm Hồng Điệp	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Trần Quang Khang	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/11/2024 Bổ nhiệm ngày 04/09/2024
Ông	Trần Việt Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/11/2024

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Hoàng Lê Sơn	Chủ tịch
Ông	Bùi Quang Bách	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Trần Quang Khang - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Trần Quang Khang

Số: 280325.003/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần SAM Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần SAM Holdings được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SAM Holdings tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Phó Tổng giám đốc

Ngô Minh Quý
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1

Kiểm toán viên

Đào Trung Thành
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4700-2024-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số		TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	**A.**	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**2.203.990.476.359**	**2.283.692.109.389**
110	**I.**	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**4**	**547.305.862.333**	**480.447.926.855**
111	1.	Tiền		487.883.934.873	473.847.926.855
112	2.	Các khoản tương đương tiền		59.421.927.460	6.600.000.000
120	**II.**	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**5**	**29.603.718.147**	**39.521.318.147**
121	1.	Chứng khoán kinh doanh		29.612.080.737	29.612.080.737
122	2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(3.008.362.590)	(1.591.762.590)
123	3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.000.000.000	11.501.000.000
130	**III.**	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**1.075.587.900.879**	**1.223.966.502.006**
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	401.975.302.635	386.156.951.070
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	108.033.034.393	7.904.122.165
135	3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	18.841.300.000	91.061.300.000
136	4.	Phải thu ngắn hạn khác	9	548.065.049.493	739.960.606.975
137	5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.326.785.642)	(1.168.789.704)
139	6.	Tài sản thiếu chờ xử lý		-	52.311.500
140	**IV.**	**Hàng tồn kho**	**11**	**502.693.308.797**	**497.476.083.492**
141	1.	Hàng tồn kho		502.693.308.797	497.476.083.492
150	**V.**	**Tài sản ngắn hạn khác**		**48.799.686.203**	**42.280.278.889**
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	16	6.167.337.042	5.029.421.758
152	2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		42.250.064.383	37.142.188.843
153	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	382.284.778	108.668.288
200	**B.**	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**4.171.576.926.190**	**4.308.199.689.575**
210	**I.**	**Các khoản phải thu dài hạn**		**120.459.899.926**	**30.186.243.394**
211	1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	6	8.895.728.632	17.641.845.217
215	2.	Phải thu về cho vay dài hạn	8	100.000.000.000	-
216	3.	Phải thu dài hạn khác	9	11.564.171.294	12.544.398.177

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
220	**II. Tài sản cố định**		**612.721.326.189**	**664.838.643.654**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	581.577.998.549	634.394.546.577
222	*- Nguyên giá*		*1.289.702.991.659*	*1.321.786.186.785*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(708.124.993.110)*	*(687.391.640.208)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	31.143.327.640	30.444.097.077
228	*- Nguyên giá*		*51.942.300.349*	*49.719.300.349*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(20.798.972.709)*	*(19.275.203.272)*
230	**III. Bất động sản đầu tư**	**15**	**122.596.050.898**	**129.809.767.989**
231	- Nguyên giá		190.101.542.163	192.200.542.163
232	- Giá trị hao mòn luỹ kế		(67.505.491.265)	(62.390.774.174)
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	**12**	**1.113.230.833.612**	**1.205.495.438.210**
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		789.090.203.476	783.387.362.611
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		324.140.630.136	422.108.075.599
250	**V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**5**	**2.128.411.870.625**	**2.197.721.525.362**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.275.341.347.025	1.342.212.261.762
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		853.070.523.600	851.809.263.600
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	3.700.000.000
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**74.156.944.940**	**80.148.070.966**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	69.458.292.987	74.666.310.354
269	2. Lợi thế thương mại		4.698.651.953	5.481.760.612
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**6.375.567.402.549**	**6.591.891.798.964**

Công ty Cổ phần SAM Holdings
127 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.694.902.123.049**	**1.985.823.553.060**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**1.320.348.118.855**	**1.723.049.165.892**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	81.861.934.367	66.344.563.713
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	24.905.040.167	49.123.782.352
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	14.307.788.876	11.955.621.388
314	4. Phải trả người lao động		13.940.703.849	14.608.439.972
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	53.090.130.257	61.308.317.145
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	5.788.332.400	2.484.643.733
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	78.680.356.178	458.920.478.952
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	1.037.278.982.982	1.048.185.189.963
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.494.849.779	10.118.128.674
330	**II. Nợ dài hạn**		**374.554.004.194**	**262.774.387.168**
331	1. Phải trả người bán dài hạn	18	220.000.000	220.000.000
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	22	120.979.818.116	78.670.251.646
337	3. Phải trả dài hạn khác	23	18.874.994.552	16.205.531.384
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	184.560.000.000	110.775.966.622
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	36	49.919.191.526	56.902.637.516
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**4.680.665.279.500**	**4.606.068.245.904**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**24**	**4.680.665.279.500**	**4.606.068.245.904**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.799.609.710.000	3.799.609.710.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*3.799.609.710.000*	*3.799.609.710.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(374.324.139)	(374.324.139)
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		39.231.559.483	39.231.559.483
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(2.890.407.801)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		8.728.889.757	8.728.889.757
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		176.228.596.377	84.146.505.344
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước*		*77.311.316.144*	*61.145.757.446*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*98.917.280.233*	*23.000.747.898*
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		657.240.848.022	677.616.313.260
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**6.375.567.402.549**	**6.591.891.798.964**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Hương Thủy	Võ Nữ Từ Anh	Trần Quang Khang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**26**	**4.049.207.198.655**	**2.204.487.661.762**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27	10.975.976.068	4.371.916.841
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**4.038.231.222.587**	**2.200.115.744.921**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**28**	**3.834.551.479.112**	**2.042.904.427.515**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**203.679.743.475**	**157.211.317.406**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	127.424.022.731	129.594.088.784
22	7. Chi phí tài chính	30	79.339.055.995	29.097.589.685
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*62.607.188.014*	*78.363.834.048*
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết		23.948.559.231	(53.311.071.514)
25	9. Chi phí bán hàng	31	57.554.423.227	45.691.576.181
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	85.198.612.278	96.180.724.698
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**132.960.233.937**	**62.524.444.112**
31	12. Thu nhập khác	33	5.255.536.504	3.309.233.531
32	13. Chi phí khác	34	27.612.025.259	2.949.600.088
40	**14. Lợi nhuận khác**		**(22.356.488.755)**	**359.633.443**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**110.603.745.182**	**62.884.077.555**
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35	25.935.593.242	18.891.541.442
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	36	(10.627.690.513)	10.752.616.106
60	**18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**95.295.842.453**	**33.239.920.007**
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ**		**84.340.302.128**	**18.332.577.266**
62	**20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**10.955.540.325**	**14.907.342.741**
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**37**	**220**	**48**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Hương Thủy	Võ Nữ Từ Anh	Trần Quang Khang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***110.603.745.182***	***62.884.077.555***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		41.328.450.865	42.515.553.818
03	2. Các khoản dự phòng		7.585.004.752	(51.194.865.582)
04	3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(354.995.381)	227.615.537
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(100.376.358.265)	10.037.057.728
06	5. Chi phí lãi vay		62.607.188.014	78.363.834.048
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***121.393.035.167***	***142.833.273.104***
09	1. Tăng, giảm các khoản phải thu		41.685.469.336	413.541.331.718
10	2. Tăng, giảm hàng tồn kho		(14.605.956.754)	13.394.907.388
11	3. Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(271.466.383.278)	(437.846.679.918)
12	4. Tăng, giảm chi phí trả trước		3.788.271.504	(4.843.681.818)
13	5. Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	178.869.408.288
14	6. Tiền lãi vay đã trả		(68.040.398.659)	(43.783.831.959)
15	7. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(21.235.349.182)	(26.967.144.376)
17	8. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.708.478.097)	(3.262.628.357)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***(216.189.789.963)***	***231.934.954.070***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(37.191.079.554)	(35.210.904.515)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		679.608.420	257.565.364
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(111.165.000.000)	(25.190.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		94.471.000.000	21.443.014.443
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.261.260.000)	(12.612.500.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		193.541.711.609	204.800.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		36.861.414.894	22.540.781.669
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***175.936.395.369***	***176.027.956.961***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.607.495.789.452	1.665.025.848.509
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.490.164.329.761)	(1.901.105.211.715)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(10.575.125.000)	(7.549.750.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***106.756.334.691***	***(243.629.113.206)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**66.502.940.097**	**164.333.797.825**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**		**480.447.926.855**	**316.341.744.567**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		354.995.381	(227.615.537)
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	**4**	**547.305.862.333**	**480.447.926.855**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Hương Thủy	Võ Nữ Từ Anh	Trần Quang Khang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SAM Holdings được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600253537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30 tháng 03 năm 1998, thay đổi lần thứ 31 ngày 25 tháng 11 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty hiện nay được đặt tại: 127 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 3.799.609.710.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 3.799.609.710.000 VND; tương đương 379.960.971 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 570 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 578 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông, vật liệu dân dụng, bobin gỗ (trục gỗ dùng quấn dây cáp);
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- Sản xuất kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm dây nhựa các loại;
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh sân golf;
- Dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh đối với hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản kéo dài hơn 12 tháng, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác có chu kỳ dưới 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm nay tăng 62,06 tỷ VND, tương ứng tăng 186,69% so với năm trước. Nguyên nhân biến động chủ yếu như sau:

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 1.838,12 tỷ VND, tăng 83,55% chủ yếu do Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại mặt hàng than nguyên liệu. Đồng thời Giá vốn hàng bán tăng 1.791,65 tỷ VND, tăng 87,7% làm cho Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng 46,47 tỷ VND, tương ứng tăng 29,56% so với năm trước.

- Chi phí tài chính tăng 50,24 tỷ VND, tương ứng tỷ lệ tăng 172,67% chủ yếu do năm 2023 Công ty đã thanh lý phần lớn danh mục chứng khoán kinh doanh, dẫn đến hoàn nhập chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Bên cạnh đó trong năm 2023, Công ty ghi nhận giảm chi phí lãi hợp tác đầu tư do giảm lãi cam kết khi thanh lý hợp đồng dẫn đến khoản mục Chi phí hoạt động tài chính năm 2023 giảm tương ứng.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 là:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Tỉnh Lâm Đồng	64,09%	64,09%	Kinh doanh khu du lịch, sân golf
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Tỉnh Đồng Nai	99,92%	99,92%	Sản xuất dây cáp
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Thành phố Hồ Chí Minh	85,71%	85,71%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	Thành phố Hồ Chí Minh	73,75%	73,75%	Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng
Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	92,86%	92,86%	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nam Tây Nguyên	Tỉnh Đắk Nông	92,86%	100,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ Cao (*)	Tỉnh Đắk Nông	72,00%	72,00%	Trồng trọt, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh nông sản

(*) Công ty con đến thời điểm 29/06/2024.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát
Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

- Trường hợp công ty mẹ sau khi thoái một phần vốn và mất quyền kiểm soát đối với công ty con: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm là toàn bộ số lợi thế thương mại còn chưa phân bổ;
- Trường hợp hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung: khi chuyển công ty con sở hữu gián tiếp thành công ty con sở hữu trực tiếp hoặc ngược lại, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con do thay đổi cơ cấu sở hữu trong công ty con.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính
Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính
Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác, bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm như sau:

- Đối với hàng hóa bất động sản: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm, được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Đối với hàng tồn kho khác: căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 48	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 25	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	03	năm
- Quyền sử dụng đất	45	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 06	năm

2.13 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 44	năm
- Máy móc và thiết bị	10 - 25	năm
- Quyền sử dụng đất	45	năm

2.14 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.15 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.16 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Công ty Cổ phần SAM Holdings
127 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

- Hợp đồng BCC với các cá nhân, pháp nhân: trong đó Công ty là bên nhận tiền đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.
- Hợp đồng BCC với các cá nhân, pháp nhân: trong đó Công ty là bên đưa tiền đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.

2.17 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.18 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.19 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.20 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.21 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí xây dựng dự án... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.22 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.23 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.24 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Công ty Cổ phần SAM Holdings
127 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.25 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.26 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.27 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.28 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.29 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.30 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.31 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 72% phần vốn góp trong Công ty Cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ Cao và 21,47% phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt. Theo đó, số tiền lãi 52,2 tỷ VND từ các giao dịch chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (thuyết minh số 29).

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	267.078.537	779.784.341
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	487.616.856.336	473.068.142.514
Các khoản tương đương tiền (*)	59.421.927.460	6.600.000.000
	547.305.862.333	**480.447.926.855**

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,5%/năm đến 4,75%/năm.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.000.000.000	-	11.501.000.000	-
Đầu tư dài hạn				
- Trái phiếu	-	-	3.700.000.000	-
	3.000.000.000	**-**	**15.201.000.000**	**-**

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong với lãi suất 5,3%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	Mã chứng khoán	31/12/2024		01/01/2024	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần DNP Holding	DNP	22.368.562.590	19.360.200.000	22.368.562.590	20.776.800.000	(1.591.762.590)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	ALP	7.243.518.147	-	7.243.518.147	-	-
		29.612.080.737		**29.612.080.737**		**(1.591.762.590)**

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HOSE tại ngày 29/12/2023 và 31/12/2024. Đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Đầu tư vào công ty liên kết

			31/12/2024			01/01/2024		
	Mã chứng khoán	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
					VND			VND
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (*)	DSP	Thành phố Hồ Chí Minh	34,96%	34,96%	417.249.040.225	34,96%	34,96%	424.503.814.117
- Công ty Cổ phần Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy		Tỉnh Quảng Trị	36,00%	36,00%	707.167.496.755	36,00%	36,00%	671.423.013.928
- Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia		Tỉnh Đồng Nai	45,28%	45,28%	149.608.153.776	45,28%	45,28%	153.669.847.213
- Công ty Cổ phần Capella Việt Nam		Thành phố Hồ Chí Minh	31,48%	31,48%	1.316.656.269	31,48%	31,48%	1.332.043.888
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ Cao Sam Sekong (TNHH)		Tỉnh Đắk Nông			-	28,80%	40,00%	8.551.836.925
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt		Thành phố Hà Nội			-	21,47%	21,47%	82.731.705.691
					1.275.341.347.025			**1.342.212.261.762**

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh 43.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		31/12/2024			01/01/2024		
	Mã chứng khoán	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần (**)	PRT	512.273.760.000	300.390.000.000	-	511.012.500.000	412.650.000.000	-
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (**)	DVN	273.652.263.600	285.766.010.000	-	273.652.263.600	215.178.390.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP		52.264.500.000		-	52.264.500.000		-
- Công ty Cổ phần Vietferm		500.000.000		-	500.000.000		-
- Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Trường Thành		14.380.000.000		-	14.380.000.000		-
		853.070.523.600		**-**	**851.809.263.600**		**-**

(*) Số lượng 30.000.000 cổ phiếu của khoản đầu tư này được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại thuyết minh số 17.

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn UPCOM tại ngày 29/12/2023 và 31/12/2024. Đối với các khoản đầu tư còn lại, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

6 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

		31/12/2024		01/01/2024	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a)	**Ngắn hạn**	VND	VND	VND	VND
	Bên liên quan	**-**	**-**	***397.516.400***	**-**
	- Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity Group	-	-	397.516.400	-
	Bên khác	***286.772.722.181***	***(1.084.813.142)***	***312.681.137.428***	***(893.770.294)***
	- Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	62.523.569.569	-	46.433.000.454	-
	- Chi nhánh Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam) tại Bình Dương	52.679.010.885	-	26.645.296.788	-
	- Công ty TNHH Điện cơ Solen (Việt Nam)	48.304.393.677	-	35.911.907.589	-
	- Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	35.224.062.709	-	21.621.828.800	-
	- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	-	-	35.978.840.278	-
	- Các khoản phải thu khách hàng khác	203.244.265.795	(1.084.813.142)	219.168.560.761	(893.770.294)
		401.975.302.635	**(1.084.813.142)**	**386.156.951.070**	**(893.770.294)**
b)	**Dài hạn**				
	- Khách hàng Dự án Chung cư Samland Giai Việt	1.104.934.632	-	9.163.628.217	-
	- Khách hàng Dự án Chung cư Samland Airport	7.790.794.000	-	8.478.217.000	-
		8.895.728.632	**-**	**17.641.845.217**	**-**

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Quỹ đầu tư cơ hội PVI (*)	78.980.426.800	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Tập đoàn Tâm Sen	11.838.750.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Á Long	3.466.800.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	13.747.057.593	(241.972.500)	7.904.122.165	(275.019.410)
	108.033.034.393	**(241.972.500)**	**7.904.122.165**	**(275.019.410)**

(*) Khoản trả trước theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu có điều kiện số 01/2024/POF-SAM ngày 29/02/2024 và các phụ lục có điều kiện giữa Công ty Cổ phần SAM Holdings ("Bên A") và Quỹ đầu tư cơ hội PVI ("Bên B"). Bên B là một quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, có ý định mua để đầu tư cổ phiếu của một số doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, Bên A đề nghị và Bên B đồng ý bán cho Bên A và/hoặc bên thứ ba do Bên A chỉ định một số lượng cổ phiếu trong trường hợp Bên B mua thành công với các điều khoản và điều kiện theo thỏa thuận. Thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày 30/09/2025.

8 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

		01/01/2024		Trong năm		31/12/2024			
		Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng	Loại tiền	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm	31/12/2024
		VND	VND	VND	VND	VND	VND					VND
a)	**Ngắn hạn**											**18.841.300.000**
	Bên liên quan	**10.690.000.000**	**-**	**3.050.000.000**	**13.740.000.000**		**-**					
	- Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	10.690.000.000	-	3.050.000.000	13.740.000.000		-					
	Bên khác	**80.371.300.000**	**-**	**7.000.000.000**	**68.530.000.000**	**18.841.300.000**	**-**					
	- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam	18.841.300.000	-	-	-	18.841.300.000	-	VND	11%/năm	Đến hết ngày 13/11/2025	Tín chấp	18.841.300.000
	- Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Trường Thành (1)	13.530.000.000	-	-	13.530.000.000	-	-					
	- Công ty Cổ phần Capella	48.000.000.000	-	-	48.000.000.000	-	-					
	- Công ty Cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ cao (2)	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-					
		91.061.300.000	**-**	**10.050.000.000**	**82.270.000.000**	**18.841.300.000**	**-**					**100.000.000.000**
b)	**Dài hạn**											
	Bên liên quan			**100.000.000.000**	**-**	**100.000.000.000**	**-**					
	- Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (2)	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-	VND	6,8%/năm	36 tháng	Tín chấp	100.000.000.000
		-	**-**	**100.000.000.000**	**-**	**100.000.000.000**	**-**					**118.841.300.000**

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay:

Hợp đồng
Ngắn hạn
(1) Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam — Hợp đồng số 01/2021/SAM-TH1/HĐVV ngày 13/10/2021 và các phụ lục
Dài hạn
(2) Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia — Hợp đồng cho vay số 01/2024/STL-PHG/HĐVV ngày 16/09/2024

9 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu các khoản bảo hiểm	-	-	6.684.821	-
- Ký quỹ, ký cược [4]	6.173.622.600	-	6.341.463.038	-
- Tạm ứng	31.912.818.437	-	53.948.361.348	-
- Phải thu vốn góp, lãi từ các hợp đồng hợp tác đầu tư [1]	424.234.344.356	-	572.536.503.485	-
- Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	9.010.845.095	-	22.334.347.919	-
- Tạm ứng cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Nhơn Trạch [2]	48.037.823.000	-	48.977.063.000	-
- Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng chờ cấn trừ tiền thuê đất [3]	23.601.993.670	-	25.419.560.297	-
- Phải thu khác	5.093.602.335	-	10.396.623.067	-
	548.065.049.493	**-**	**739.960.606.975**	**-**
b) Dài hạn				
- Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng chờ cấn trừ tiền thuê đất [3]	6.562.000.061	-	7.715.701.302	-
- Ký cược, ký quỹ [4]	5.002.171.233	-	4.828.696.875	-
	11.564.171.294	**-**	**12.544.398.177**	**-**
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
- Ông Trần Việt Anh	1.538.082.192	-	1.538.082.192	-
- Ông Phương Xuân Thụy	-	-	5.701.623.450	-
- Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	1.918.904.110	-	1.240.875.346	-
	3.456.986.302	**-**	**8.480.580.988**	**-**

Công ty Cổ phần SAM Holdings
127 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

[1] Các khoản phải thu vốn góp, lãi từ các Hợp đồng hợp tác đầu tư trị giá 424.234.344.356 VND với các thông tin chi tiết như sau:

- Các bên tham gia: Cá nhân, tổ chức nhận hợp tác đầu tư;
- Mục đích hợp tác: Thực hiện các giao dịch đầu tư nhằm mục đích sinh lời;
- Phương thức phân chia kết quả kinh doanh: Lợi nhuận phân chia từ hợp tác đầu tư sẽ do các bên thỏa thuận sau khi kết thúc hợp đồng tùy thuộc vào kết quả hợp tác đầu tư;
- Kết quả kinh doanh đã được phân chia trong năm: Công ty ghi nhận lãi từ các hợp đồng hợp tác đầu tư với số tiền là 32,744 tỷ VND;
- Tình hình của các hợp đồng tại ngày 31/12/2024: Đang thực hiện.

[2] Khoản tạm ứng cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai để bồi thường giải phóng mặt bằng tại Dự án Khu dân cư tại xã Long Tân và xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch. Thông tin chi tiết của dự án xem tại Thuyết minh số 12.

[3] Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng được cấn trừ tiền thuê đất trong tương lai theo Thông báo số 1358/TB-CCTKV ngày 28/02/2023 về việc xác định số năm hoàn thành việc nộp tiền thuê đất. Theo đó, Công ty tiếp tục được cấn trừ tiền thuê đất phải nộp hàng năm đối với diện tích đất sử dụng cho Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp đến hết ngày 31/08/2031.

[4] Bao gồm khoản ký quỹ cho Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh nhằm bảo đảm thực hiện dự án đầu tư của Dự án chung cư kết hợp thương mại - dịch vụ - văn phòng Samland Riverside tại số 147, đường Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Phụ lục số 2 ngày 03/07/2018 của bản Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 13/TTKQ-2017 ngày 31/03/2017, với tổng số tiền ký quỹ là 8.559.000.000 VND. Thông tin chi tiết của dự án xem tại Thuyết minh số 12.

10 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty Cổ phần Du lịch & Dịch vụ Charter Flight Nha Trang	690.410.000	-	690.410.000	-
+ Các đối tượng khác	924.478.411	288.102.769	1.040.591.869	562.212.165
	1.614.888.411	**288.102.769**	**1.731.001.869**	**562.212.165**

11 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	44.150.549.986	-	26.095.669.836	-
Nguyên liệu, vật liệu	217.273.769.365	-	245.039.225.665	-
Công cụ, dụng cụ	5.174.906.961	-	4.217.616.900	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.824.927.442	-	23.621.798.993	-
Thành phẩm	98.524.745.091	-	137.488.113.304	-
Hàng hoá	118.523.913.775	-	60.827.667.650	-
Hàng gửi đi bán	220.496.177	-	185.991.144	-
	502.693.308.797	**-**	**497.476.083.492**	**-**

12 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Dự án Chung cư Samland Riverside [(1)]	135.784.080.458	135.784.080.458	134.603.435.977	134.603.435.977
- Dự án Khu dân cư tại xã Long Tân và xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch [(2)]	531.897.843.387	531.897.843.387	530.455.277.685	530.455.277.685
- Dự án Khu công nghiệp Tam Thăng 2 [(3)]	121.408.279.631	121.408.279.631	118.328.648.949	118.328.648.949
	789.090.203.476	**789.090.203.476**	**783.387.362.611**	**783.387.362.611**

Thông tin chi tiết các dự án tại ngày 31/12/2024:

[(1)] *Dự án Chung cư Samland Riverside:*

- Địa điểm thực hiện: 147 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom;
- Mục tiêu thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng khu dân cư;
- Quy mô của dự án: Tổng diện tích khu đất 1.798,4 m2; Dự án dự kiến đầu tư xây dựng mới công trình chung cư kết hợp với thương mại - dịch vụ - văn phòng, đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình hạ tầng xã hội;
- Tiến độ thực hiện dự án: Tại thời điểm 31/12/2024, Dự án vẫn đang chờ được cấp Giấy phép xây dựng để tiến hành thi công.

[(2)] *Dự án Khu Dân cư tại xã Long Tân và xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch:*

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom;
- Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày được cấp chủ trương đầu tư;
- Mục tiêu thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng khu dân cư;
- Quy mô của dự án: Tổng diện tích khu đất 551.957,8 m2; Dự án dự kiến đầu tư xây dựng mới khu dân cư theo quy hoạch gồm các công trình: Công cộng, thương mại dịch vụ, chung cư kết hợp thương mại dịch vụ, nhà ở riêng lẻ, nhà ở xã hội, khu cây xanh,... với hệ thống hạ tầng kỹ thuật được đầu tư hoàn chỉnh, gắn kết với các khu vực lân cận;
- Tiến độ thực hiện dự án: Gồm 04 giai đoạn, dự kiến thực hiện từ năm 2018 đến tháng 06/2025 theo quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về chấp thuận chủ đầu tư dự án. Tại thời điểm 31/12/2024, dự án đang trong giai đoạn thực hiện chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng. Việc bồi thường dự án được thực hiện theo Quyết định số 7320/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch và Văn bản số 3625/UBND-KTNS ngày 01/04/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[(3)] *Dự án Khu công nghiệp Tam Thăng 2*

- Địa điểm xây dựng: Huyện Thăng Bình và thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam;
- Mục đích xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng mở rộng quy mô khu công nghiệp Tam Thăng 2 thêm 103 ha (giai đoạn 1 đã thực hiện là 197 ha);
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu và vốn huy động (vay ngân hàng, hợp đồng góp vốn, hợp tác đầu tư);
- Quy mô của dự án: 103 ha;
- Tổng mức đầu tư: 433.280.000.000 VND;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2024: Một phần diện tích đã hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật và chờ cho thuê. Diện tích đang đầu tư được trình bày trên khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang, xem chi tiết tại thuyết minh số 12b.

12 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN (tiếp theo)

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp tại Tuyền Lâm, Lâm Đồng [(*)]	273.020.083.127	262.357.363.581
- Dự án Khu công nghiệp Tam Thăng 2 [(**)]	38.906.955.408	17.390.252.350
- Các dự án nông nghiệp công nghệ cao	-	129.711.833.628
- Dự án khác	12.213.591.601	12.648.626.040
	324.140.630.136	**422.108.075.599**

[(*)] *Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp tại Khu du lịch quốc gia Hồ Tuyền Lâm*

- Địa điểm thực hiện dự án: Phân khu chức năng Số 7 và 8, Khu du lịch Hồ Tuyền Lâm, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Sacom Tuyền Lâm;
- Nguồn vốn đầu tư: vốn góp của nhà đầu tư và vốn tín dụng;
- Quy mô của dự án: 194,92 ha;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2024:: Công ty đang thực hiện thực hiện giải phóng mặt bằng và đầu tư các hạng mục thuộc giai đoạn hai của dự án, hiện tại đã hoàn thành công tác thiết kế và đang thi công xây dựng công viên, khách sạn chủ đề, khu shophouse, trung tâm thương mại và khu vui chơi giải trí ... Hiện tại Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng đang thẩm định hồ sơ gia hạn tiến độ thực hiện dự án, Công ty đang chờ hướng dẫn từ Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện tiếp các thủ tục liên quan.

[(**)] Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản tương ứng với diện tích đang đầu tư xây dựng tại Khu công nghiệp Tam Thăng 2. Giá trị tương ứng diện tích đã hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật và chờ cho thuê được trình bày tại thuyết minh 12a.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	774.030.955.275	479.585.849.578	62.080.417.067	5.564.223.645	524.741.220	1.321.786.186.785
- Mua trong năm	-	328.403.620	1.015.580.000	38.990.909	-	1.382.974.529
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	341.186.903	-	-	-	-	341.186.903
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.580.519.495)	-	-	(2.580.519.495)
- Giảm do thoái vốn công ty con	(22.765.426.911)	(6.053.453.659)	(812.644.545)	(1.546.479.818)	(48.832.130)	(31.226.837.063)
Số dư cuối năm	**751.606.715.267**	**473.860.799.539**	**59.702.833.027**	**4.056.734.736**	**475.909.090**	**1.289.702.991.659**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	211.001.123.135	424.371.187.468	46.969.844.121	4.560.918.516	488.566.968	687.391.640.208
- Khấu hao trong năm	19.987.673.431	10.269.399.780	3.348.495.199	265.113.017	36.174.251	33.906.855.678
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.573.355.188)	-	-	(2.573.355.188)
- Giảm do thoái vốn công ty con	(6.032.457.298)	(2.970.399.770)	(697.894.545)	(850.563.846)	(48.832.129)	(10.600.147.588)
Số dư cuối năm	**224.956.339.268**	**431.670.187.478**	**47.047.089.587**	**3.975.467.687**	**475.909.090**	**708.124.993.110**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	563.029.832.140	55.214.662.110	15.110.572.946	1.003.305.129	36.174.252	634.394.546.577
Tại ngày cuối năm	**526.650.375.999**	**42.190.612.061**	**12.655.743.440**	**81.267.049**	**-**	**581.577.998.549**

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 463.237.339.261 VND.

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Cộng
	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	43.484.939.916	5.536.530.433	697.830.000	49.719.300.349
- Mua trong năm	-	124.000.000	-	124.000.000
- Điều chỉnh do chuyển đổi mục đích sử dụng trong năm [(*)]	2.099.000.000	-	-	2.099.000.000
Số dư cuối năm	**45.583.939.916**	**5.660.530.433**	**697.830.000**	**51.942.300.349**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	13.840.657.747	4.736.715.525	697.830.000	19.275.203.272
- Khấu hao trong năm	1.008.865.152	254.472.806	-	1.263.337.958
- Điều chỉnh do chuyển đổi mục đích sử dụng trong năm [(*)]	260.431.479	-	-	260.431.479
Số dư cuối năm	**15.109.954.378**	**4.991.188.331**	**697.830.000**	**20.798.972.709**
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	29.644.282.169	799.814.908	-	30.444.097.077
Tại ngày cuối năm	**30.473.985.538**	**669.342.102**	**-**	**31.143.327.640**

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.016.952.000 VND.

[(*)] Đây là Quyền sử dụng đất 432 m^2 tại số 207A, Quốc lộ 1A, khu phố Quyết Thắng, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Trước đó được Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom sử dụng để hợp tác kinh doanh xây dựng và vận hành nhà xe 5 tầng với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Xây dựng Bầu trời Việt. Nay Công ty trực tiếp xây dựng vận hành, do đó, Công ty phân loại lại tài sản cố định do chuyển đổi mục đích sử dụng. Xem thêm tại Thuyết minh số 19.

15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất [*]	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.099.000.000	138.435.185.430	51.666.356.733	192.200.542.163
- Điều chỉnh do chuyển đổi mục đích sử dụng trong năm	(2.099.000.000)	-	-	(2.099.000.000)
Số dư cuối năm	**-**	**138.435.185.430**	**51.666.356.733**	**190.101.542.163**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	221.561.109	35.053.549.354	27.115.663.711	62.390.774.174
- Khấu hao trong năm	38.870.370	3.134.381.557	2.201.896.643	5.375.148.570
- Điều chỉnh do chuyển đổi mục đích sử dụng trong năm	(260.431.479)	-	-	(260.431.479)
Số dư cuối năm	**-**	**38.187.930.911**	**29.317.560.354**	**67.505.491.265**
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.877.438.891	103.381.636.076	24.550.693.022	129.809.767.989
Tại ngày cuối năm	**-**	**100.247.254.519**	**22.348.796.379**	**122.596.050.898**

Trong đó:

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

[*] Thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 14 và Thuyết minh số 19.

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
a)	**Ngắn hạn**		
	Chi phí sửa chữa, bảo trì TSCĐ	512.813.463	594.768.245
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.378.946.981	1.720.506.379
	Các khoản khác	3.275.576.598	2.714.147.134
		6.167.337.042	**5.029.421.758**
b)	**Dài hạn**		
	Hoa hồng môi giới, chi phí bán hàng	10.276.025.175	11.303.016.072
	Chi phí thuê đất [*]	37.491.782.441	37.953.736.894
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.475.666.378	5.554.019.539
	Chi phí sửa chữa	12.165.859.855	13.386.923.714
	Các khoản khác	5.048.959.138	6.468.614.135
		69.458.292.987	**74.666.310.354**

[*] Bao gồm tiền thuê đất trả tiền một lần chi tiết như sau:

- Tiền thuê đất theo các hợp đồng thuê đất ký với Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai tại Khu công nghiệp Tam Thăng 2, xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam với giá trị là 36,9 tỷ VND. Diện tích khu đất thuê là 103 ha, thời gian sử dụng đất đến ngày 13/07/2067 với mục đích xây dựng và kinh doanh Khu công nghiệp Tam Thăng 2.
- Tiền thuê đất theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành ngày 23/10/2012 tại khu đất Đường số 4, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, thời gian thuê là 45 năm.

17 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- ***Các khoản vay***	***962.351.856.621***	***962.351.856.621***	***2.421.235.789.452***	***2.429.641.996.423***	***953.945.649.650***	***953.945.649.650***
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh [(1)]	249.933.203.550	249.933.203.550	592.500.847.301	537.021.260.571	305.412.790.280	305.412.790.280
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn [(2)]	50.372.810.107	50.372.810.107	10.864.503.125	50.372.810.107	10.864.503.125	10.864.503.125
+ Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh [(3)]	71.933.121.958	71.933.121.958	153.041.741.145	208.458.083.768	16.516.779.335	16.516.779.335
+ Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh [(4)]	66.469.919.286	66.469.919.286	119.651.053.020	143.615.392.670	42.505.579.636	42.505.579.636
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ [(5)]	39.999.174.785	39.999.174.785	46.439.627.714	79.567.743.613	6.871.058.886	6.871.058.886
+ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Đồng Nai [(6)]	78.320.626.429	78.320.626.429	311.287.670.384	263.508.166.394	126.100.130.419	126.100.130.419
+ Ngân hàng Maybank Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh [(7)]	106.483.056.703	106.483.056.703	274.487.211.784	297.441.003.810	83.529.264.677	83.529.264.677
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai [(8)]	-	-	379.010.253.112	182.117.234.457	196.893.018.655	196.893.018.655
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn [(9)]	-	-	199.468.593.687	151.216.069.050	48.252.524.637	48.252.524.637
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity Group [(10)]	121.257.345.000	121.257.345.000	-	4.257.345.000	117.000.000.000	117.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	23.109.859.346	23.109.859.346	307.787.229.601	330.897.088.947	-	-
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia	10.089.798.579	10.089.798.579	20.592.058.579	30.681.857.158	-	-

17 . CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
+ Công ty TNHH Đầu tư Đại La	78.576.940.878	78.576.940.878	-	78.576.940.878	-	-
+ Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Trường Thành	100.000.000	100.000.000	-	100.000.000	-	-
+ Cá nhân	65.706.000.000	65.706.000.000	6.105.000.000	71.811.000.000	-	-
- ***Nợ dài hạn đến hạn trả***	***85.833.333.342***	***85.833.333.342***	***85.833.333.340***	***88.333.333.350***	***83.333.333.332***	***83.333.333.332***
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong [(12)]	83.333.333.334	83.333.333.334	83.333.333.332	83.333.333.334	83.333.333.332	83.333.333.332
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đắk Lắk	2.500.000.008	2.500.000.008	2.500.000.008	5.000.000.016	-	-
	1.048.185.189.963	**1.048.185.189.963**	**2.507.069.122.792**	**2.517.975.329.773**	**1.037.278.982.982**	**1.037.278.982.982**

17 . CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

	01/01/2024		Trong kỳ		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
+ Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (11)	-	-	86.260.000.000	1.700.000.000	84.560.000.000	84.560.000.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (12)	166.666.666.666	166.666.666.666	100.000.000.000	83.333.333.334	183.333.333.332	183.333.333.332
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đắk Lắk	10.208.333.302	10.208.333.302	-	10.208.333.302	-	-
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập nhẩu Tổng hợp I Việt Nam	19.734.299.996	19.734.299.996	-	19.734.299.996	-	-
	196.609.299.964	**196.609.299.964**	**186.260.000.000**	**114.975.966.632**	**267.893.333.332**	**267.893.333.332**
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(85.833.333.342)	(85.833.333.342)	(85.833.333.340)	(88.333.333.350)	(83.333.333.332)	(83.333.333.332)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	**110.775.966.622**	**110.775.966.622**			**184.560.000.000**	**184.560.000.000**

c) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2024		01/01/2024	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Công ty liên kết	84.560.000.000	44.372.160	-	625.219.727
- Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity Group	Bên liên quan khác	117.000.000.000	46.963.760.004	121.257.345.000	38.980.014.711
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia	Bên liên quan khác	-	-	10.089.798.579	-
		201.560.000.000	**47.008.132.164**	**131.347.143.579**	**39.605.234.438**

17 . CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

Hợp đồng	Hạn mức	Thời hạn vay	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức bảo đảm	31/12/2024
						VND
a) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:						
(1) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh						**305.412.790.280**
- Hợp đồng Cấp tín dụng số 70/5475220/240DN2/CTD ngày 21/08/2024	900.000.000.000 VND	12 tháng	Quy định cụ thể trong các hợp đồng tín dụng	Theo từng giấy nhận nợ	Thế chấp tài sản là hàng hóa hình thành từ hợp đồng nhập khẩu của khách hàng	305.412.790.280
(2) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn						**10.864.503.125**
- Hợp đồng cho vay hạn mức số 300166781/2024-HĐCVHM/NHCT680-SACOM ngày 25/12/2024	300.000.000.000 VND	Đến hết ngày 25/12/2025	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dây cáp	Theo từng giấy nhận nợ	Chứng thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần SAM Holdings.	10.864.503.125
(3) Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh						**16.516.779.335**
- Hợp đồng hạn mức số STVN2088-21 ngày 14/03/2023 và Phụ lục	3.000.000 USD	Đến ngày 13/03/2024 và tự động gia hạn	Tài trợ vốn lưu động	Theo từng giấy nhận nợ	Chứng thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần SAM Holdings.	16.516.779.335
(4) Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh						**42.505.579.636**
- Hợp đồng tín dụng số 181004 - SDBS4 ngày 29/11/2022 và văn bản sửa đổi Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 181004 - SDBS5 ngày 01/03/2024	3.000.000 USD	Đến ngày 31/01/2025	Tài trợ nhu cầu phát hành thư tín dụng (L/C) và các nhu cầu vốn lưu động khác	Theo từng giấy nhận nợ	Tín chấp	42.505.579.636
(5) Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ						**6.871.058.886**
- Hợp đồng tín dụng 266422.24.051.2410700.TD ngày 25/12/2024	300.000.000.000 VND	Đến ngày 25/11/2025	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Theo từng giấy nhận nợ	Chứng thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần SAM Holdings.	6.871.058.886
(6) Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Đồng Nai						**126.100.130.419**
- Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM 151885 và bản sửa đổi số 06 số VNM 227008 ngày 09/01/2024	5.000.000 USD hoặc VND tương đương	12 tháng	Tài trợ việc nhập khẩu và/hoặc mua trong nước nguyên vật liệu cho sản xuất	Theo từng giấy nhận nợ	Chứng thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần SAM Holdings.	126.100.130.419

17 . CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

Hợp đồng	Hạn mức	Thời hạn vay	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức bảo đảm	31/12/2024
						VND
(7) Ngân hàng Maybank Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh						**83.529.264.677**
- Hợp đồng cấp tín dụng số MBB/HCMC/SLO/2024/SACOMWIRE/73 ngày 04/11/2024	5.000.000 USD	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Theo từng giấy nhận nợ	Chứng thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần SAM Holdings.	83.529.264.677
(8) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai						**196.893.018.655**
- Hợp đồng tín dụng số 01/2024/4207630/HĐTD ngày 29/01/2024	700.000.000.000 VND	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Theo từng giấy nhận nợ	Chứng thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần SAM Holdings.	196.893.018.655
(9) Ngân Hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn						**48.252.524.637**
- Hợp đồng tín dụng số 104519.24 ngày 26/12/2024	200.000.000.000 VND	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Theo từng giấy nhận nợ	Chứng thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần SAM Holdings.	48.252.524.637
(10) Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity Group						**117.000.000.000**
- Hợp đồng cho vay số 001/2020/HĐVT/IFG-STL ngày 06/08/2020 và Phụ lục số 04/PLHĐ/IFG-ST ngày 05/08/2024	100.000.000.000 VND	Đến ngày 05/08/2025	Phát triển dự án đầu tư	6%/năm	Tín chấp	87.000.000.000
- Hợp đồng cho vay số 02/2020/HĐVT/IFG-STL ngày 28/08/2020 và Phụ lục số 04/PLHĐ/IFG-STL ngày 27/08/2024	30.000.000.000 VND	Đến ngày 27/08/2025	Phát triển dự án đầu tư	6%/năm	Tín chấp	30.000.000.000

17 . CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

Hợp đồng	Hạn mức	Thời hạn vay	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức bảo đảm	31/12/2024
						VND
b) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:						
(11) Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia						**84.560.000.000**
- Hợp đồng cho vay vốn số 01/2024/HDVV/PHG-SAM ngày 18/09/2024	86.260.000.000 VND	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Bổ sung vốn lưu động	6,8%/năm	Tín chấp	84.560.000.000
(12) Ngân hàng TMCP Tiên Phong						**183.333.333.332**
- Hợp đồng cho vay số 14/2022/HDTD/TTKHDNL-MN ngày 12/09/2022	250.000.000.000 VND	36 tháng, đến ngày 29/09/2025	Bổ sung vốn lưu động	11%/năm	- Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ với số lượng 30.000.000 cổ phiếu; - Khoản phải thu từ hợp đồng thuê mặt bằng với Công ty Cổ phần DNP Holding và các phụ lục hợp đồng đính kèm.	83.333.333.332
- Hợp đồng cho vay số 20/2024/HDTD/TTDT KHDNL2 ngày 06/09/2024	150.000.000.000 VND	48 tháng, đến ngày 19/09/2028	Bổ sung vốn lưu động	9%/năm	- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 29 đường Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom; - Khoảng phải thu từ Hợp đồng cho thuê mặt bằng nhà xưởng số 35/2022/HĐCTNX/SAM-TPVN ngày 25/11/2022.	100.000.000.000
						267.893.333.332
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng						(83.333.333.332)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng						**184.560.000.000**

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp tại với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

18 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

		31/12/2024		01/01/2024	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND
a)	**Ngắn hạn**				
	Bên liên quan	**1.363.569.832**	**1.363.569.832**	**10.215.210.863**	**10.215.210.863**
	- Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity Group	1.363.569.832	1.363.569.832	10.215.210.863	10.215.210.863
	Bên khác	**80.498.364.535**	**80.498.364.535**	**56.129.352.850**	**56.129.352.850**
	- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Sản xuất Thiết bị Viettel	20.312.629.782	20.312.629.782	-	-
	- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Năng lượng mới Đồng Nai	11.745.800.000	11.745.800.000	-	-
	- Trafigura Pte Ltd	11.056.983.432	11.056.983.432	-	-
	- Teijin Corporation (Thailand) Limited	3.517.642.708	3.517.642.708	-	-
	- Borouge Pte Ltd	3.318.798.791	3.318.798.791	-	-
	- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện Miền Bắc	3.194.634.870	3.194.634.870	-	-
	- Công ty Cổ phần Cáp điện và Hệ thống LS - Vina	-	-	6.439.572.149	6.439.572.149
	- Các khách hàng khác	27.351.874.952	27.351.874.952	49.689.780.701	49.689.780.701
		81.861.934.367	**81.861.934.367**	**66.344.563.713**	**66.344.563.713**
b)	**Dài hạn**				
	- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Mai - Archi	220.000.000	220.000.000	220.000.000	220.000.000
		220.000.000	**220.000.000**	**220.000.000**	**220.000.000**

19 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước [1]	1.577.235.865	1.577.235.865
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	8.178.386.022	-
- Công ty TNHH Young Ke	3.283.931.750	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Xây dựng Bầu trời Việt [2]	2.376.000.000	-
- Người mua trả tiền trước khác	9.489.486.530	47.546.546.487
	24.905.040.167	**49.123.782.352**

[1] Xem thông tin chi tiết của Dự án Chung cư Samland Riverside tại Thuyết minh số 12.

[2] Đây là khoản lợi nhuận cố định về hợp tác kinh doanh mà Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Xây dựng Bầu trời Việt đã chi trả. Nay các bên thỏa thuận thanh lý Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh xây dựng và vận hành nhà xe 5 tầng tại Dự án Khu căn hộ Sacom Bình Thắng, Quốc lộ 1A, khu phố Quyết Thắng, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Theo đó, Công ty sẽ hoàn trả khoản lợi nhuận này cho Bầu trời Việt và nhận lại tài sản dùng để hợp tác kinh doanh. Thông tin chi tiết về tài sản xem tại Thuyết minh số 14 và 15.

20 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm khác	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	80.322.614	2.445.580.840	37.123.850.993	38.831.618.965	-	378.761.806	1.036.252.060
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	972.072.880	9.572.283.353	9.361.554.373	-	-	1.182.801.860
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	28.345.674	-	3.444.301.698	3.419.478.996	-	3.522.972	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	6.896.356.088	25.935.593.242	21.235.349.182	-	-	11.596.600.148
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.628.712.591	4.527.436.395	5.765.727.652	(12.708.969)	-	377.712.365
Thuế Tài nguyên	-	279.000	3.285.000	3.285.000	-	-	279.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	183.503.015	183.503.015	-	-	-
Các loại thuế khác	-	12.619.989	465.023.070	463.735.616	-	-	13.907.443
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	402.766.862	302.530.862	-	-	100.236.000
	108.668.288	**11.955.621.388**	**81.658.043.628**	**79.566.783.661**	**(12.708.969)**	**382.284.778**	**14.307.788.876**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

21 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	49.513.719.849	54.119.155.306
- Chi phí Upas L/C	-	1.504.989.491
- Chi phí phải trả khác	3.576.410.408	5.684.172.348
	53.090.130.257	**61.308.317.145**
Trong đó: Chi phí phải trả cho các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity Group	46.963.760.004	38.980.014.711

22 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu cho thuê nhận trước	5.788.332.400	2.484.643.733
	5.788.332.400	**2.484.643.733**
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước	19.580.010.257	3.794.443.324
- Doanh thu cho thuê đất khu công nghiệp	101.399.807.859	74.875.808.322
	120.979.818.116	**78.670.251.646**

23 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	1.743.611.777	1.300.341.569
- Các khoản bảo hiểm	-	786.796.192
- Phải trả lãi vay	20.039.181.489	20.199.956.677
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	43.267.117.045	8.634.701.080
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.493.572.319	5.693.572.319
- Nhận vốn góp hợp đồng hợp tác đầu tư	-	276.071.000.000
- Phải trả Upas L/C	-	122.125.139.604
- Chi phí lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	7.919.068.492	5.907.419.177
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.217.805.056	18.201.552.334
	78.680.356.178	**458.920.478.952**
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	5.951.791.337	6.532.638.904
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Suinco	2.011.649.315	218.071.000.000
- Công ty Cổ phần Chíp Sáng	-	4.200.000.000
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam	-	4.018.577.408
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc NHT	-	16.153.566.379
- Đoàn Sơn Anh	-	45.000.000.000
- Các đối tượng khác	70.716.915.526	164.944.696.261
	78.680.356.178	**458.920.478.952**
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	18.874.994.552	16.205.531.384
	18.874.994.552	**16.205.531.384**
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	5.951.791.337	6.532.638.904
	5.951.791.337	**6.532.638.904**

24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**3.799.609.710.000**	**(374.324.139)**	**40.802.559.483**	**(2.390.573.714)**	**12.021.402.005**	**66.526.987.762**	**687.173.291.403**	**4.603.369.052.800**
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	18.332.577.266	14.907.342.741	33.239.920.007
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.381.230.316)	(401.912.500)	(5.783.142.816)
Chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(11.749.750.000)	(11.749.750.000)
Hoàn nhập quỹ	-	-	(1.571.000.000)	-	(3.286.612.248)	4.857.612.248	-	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính	-	-	-	(499.834.087)	-	-	-	(499.834.087)
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(189.441.616)	(12.310.558.384)	(12.500.000.000)
Tăng giảm khác	-	-	-	-	(5.900.000)	-	(2.100.000)	(8.000.000)
Số dư cuối năm trước	**3.799.609.710.000**	**(374.324.139)**	**39.231.559.483**	**(2.890.407.801)**	**8.728.889.757**	**84.146.505.344**	**677.616.313.260**	**4.606.068.245.904**
Số dư đầu năm nay	**3.799.609.710.000**	**(374.324.139)**	**39.231.559.483**	**(2.890.407.801)**	**8.728.889.757**	**84.146.505.344**	**677.616.313.260**	**4.606.068.245.904**
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	84.340.302.128	10.955.540.325	95.295.842.453
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.835.189.200)	(1.250.010.000)	(8.085.199.200)
Chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(6.375.125.000)	(6.375.125.000)
Thoái vốn Công ty con	-	-	-	2.890.407.801	-	14.576.978.105	(23.705.870.563)	(6.238.484.657)
Số dư cuối năm nay	**3.799.609.710.000**	**(374.324.139)**	**39.231.559.483**	**-**	**8.728.889.757**	**176.228.596.377**	**657.240.848.022**	**4.680.665.279.500**

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu năm*	*3.799.609.710.000*	*3.799.609.710.000*
- *Vốn góp cuối năm*	*3.799.609.710.000*	*3.799.609.710.000*
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	5.693.572.319	1.493.572.319
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm		
+ *Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước*	*6.375.125.000*	*11.749.750.000*
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền		
+ *Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước*	*10.575.125.000*	*7.549.750.000*
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.493.572.319	5.693.572.319

c) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	379.960.971	379.960.971
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- *Cổ phiếu phổ thông*	*379.960.971*	*379.960.971*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- *Cổ phiếu phổ thông*	*379.960.971*	*379.960.971*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND		

d) Các quỹ của Công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.728.889.757	8.728.889.757
	8.728.889.757	**8.728.889.757**

25 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2024, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không được hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	29.389.352.464	70.599.926.729
- Trên 1 năm đến 5 năm	27.500.883.548	97.300.905.686

Công ty Cổ phần SAM Holdings
127 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2024, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.275.949.698	1.996.527.952
- Trên 1 năm đến 5 năm	5.748.385.574	6.830.535.067
- Trên 5 năm	18.691.621.903	18.658.945.595

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom ký hợp đồng thuê đất số 77/HĐ-SZL-KDTT.TĐ với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành ngày 23/10/2012 tại Đường số 4, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng, nhà máy sản xuất từ năm 2011 đến năm 2053. Diện tích khu đất thuê là 57,1 ha. Theo hợp đồng này, Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho 45 năm với giá trị là 43.234.667.553 VND đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm ký các hợp đồng thuê đất tại Khu du lịch hồ Tuyền Lâm, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng để sử dụng với mục đích đầu tư dự án, thời gian thuê đất 50 năm kể từ thời điểm ký hợp đồng thuê đất. Tổng diện tích khu đất thuê là 253,67 ha. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng ký các hợp đồng thuê đất tại Lô số T2-4,Khu Công nghệ cao, Đường D1, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm văn phòng cho thuê từ năm 2007 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê thực tế là 5.692,3 m^2. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất từng lần cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam ký các hợp đồng thuê đất tại xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ và các hợp đồng thuê đất tại xã Bình Nam, huyện Thăng Bình để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tam Thăng 2 (đợt 2) từ năm 2019 đến năm 2067 với tổng diện tích lần lượt là 262.812,12 m^2 và 329.841,94 m^2. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê.

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	467.923,76	383.263,66

26 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	3.809.854.178.302	1.986.949.820.132
Doanh thu cung cấp dịch vụ	229.137.477.032	217.537.841.630
Doanh thu kinh doanh hàng hóa bất động sản	10.215.543.321	-
	4.049.207.198.655	**2.204.487.661.762**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	**40.000.000**	**216.945.450**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 43)		

27 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	10.817.058	-
Hàng bán bị trả lại	10.853.350.290	4.371.916.841
Giảm giá hàng bán	111.808.720	-
	10.975.976.068	**4.371.916.841**

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	3.705.875.013.189	1.908.836.852.756
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	126.059.628.001	136.684.412.681
Giá vốn kinh doanh hàng hóa bất động sản	2.616.837.922	(2.616.837.922)
	3.834.551.479.112	**2.042.904.427.515**
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan	**1.624.809.335**	**3.131.003.434**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 43)		

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.118.342.070	13.308.661.762
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	-	31.300.000.180
Lãi từ hoạt động hợp tác đầu tư	32.744.408.598	39.452.150.343
Cổ tức được chia	17.419.570.000	15.750.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	18.539.155.794	15.783.192.548
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	385.103.418	83.951
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư (*)	52.217.442.851	14.000.000.000
	127.424.022.731	**129.594.088.784**
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan	**3.427.100.551**	**2.864.184.249**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 43)		

(*) Lãi chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư trong Công ty Cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ Cao và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt, chi tiết tại thuyết minh 03.

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay, lãi trái phiếu	62.607.188.014	78.363.834.048
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	-	44.749.904.190
Chi phí từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	2.011.649.315	3.745.821.500
Hoàn nhập chi phí từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	-	(58.102.403.681)
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.342.898.725	9.273.105.047
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	30.108.037	227.699.488
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	7.342.211.904	(51.290.610.398)
Chi phí tài chính khác	5.000.000	2.130.239.491
	79.339.055.995	**29.097.589.685**
Trong đó: Chi phí tài chính từ các bên liên quan	**8.869.609.033**	**15.132.519.228**
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 43)		

Công ty Cổ phần SAM Holdings
127 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

31 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.507.441.270	14.770.703.601
Chi phí nhân công	7.264.128.843	8.348.686.556
Chi phí hoa hồng môi giới	1.342.339.780	1.864.700.481
Chi phí khấu hao tài sản cố định	305.322.351	311.974.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.816.793.602	18.966.452.793
Chi phí khác bằng tiền	1.318.397.381	1.429.057.794
	57.554.423.227	**45.691.576.181**

32 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	45.933.345.341	52.415.483.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.522.653.939	2.806.526.677
Thuế, phí, lệ phí	395.904.976	412.866.602
Chi phí dự phòng	242.792.848	95.744.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.085.602.293	30.061.599.721
Chi phí khác bằng tiền	14.235.204.222	9.605.394.263
Lợi thế thương mại phân bổ	783.108.659	783.108.659
	85.198.612.278	**96.180.724.698**

33 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	679.608.420	257.565.364
Lãi chậm thanh toán	1.501.385.682	1.985.652.231
Thu nhập khác	3.074.542.402	1.066.015.936
	5.255.536.504	**3.309.233.531**

34 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản phạt	420.893.795	248.670.332
Chi phí dự án không đủ điều kiện vốn hóa	26.592.047.164	-
Chi phí từ thanh lý tài sản cố định	-	36.350.377
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	-	356.820.704
Chi phí khác	599.084.300	2.307.758.675
	27.612.025.259	**2.949.600.088**

35 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	5.223.331.158	1.969.266.589
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	20.712.262.084	16.922.274.853
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**25.935.593.242**	**18.891.541.442**

36 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	49.919.191.526	56.902.637.516
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	**49.919.191.526**	**56.902.637.516**

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2.342.696.077	14.783.856.978
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	566.813.458	470.333.108
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(518.532.260)	(1.039.913.599)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(13.018.667.788)	(3.461.660.381)
	(10.627.690.513)	**10.752.616.106**

37 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	84.340.302.128	18.332.577.266
Các khoản điều chỉnh	(843.403.021)	(183.325.773)
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế* (*)	*(843.403.021)*	*(183.325.773)*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	83.496.899.107	18.149.251.493
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	379.960.971	379.960.971
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**220**	**48**

Công ty Cổ phần SAM Holdings
127 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập với tỷ lệ 1% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2024.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

38 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thực hiện dự án	2.696.873.063	18.921.529.600
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.852.918.830.689	1.335.911.764.989
Chi phí nhân công	132.950.710.574	136.030.092.222
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.328.450.865	42.515.553.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.995.352.024	124.532.785.316
Chi phí khác bằng tiền	29.774.523.975	14.566.252.365
	2.170.664.741.190	**1.672.477.978.310**

39 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Đầu tư ngắn hạn	19.360.200.000	-	-	19.360.200.000
Đầu tư dài hạn	-	586.156.010.000	-	586.156.010.000
	19.360.200.000	**586.156.010.000**	**-**	**605.516.210.000**
Tại ngày 01/01/2024				
Đầu tư ngắn hạn	20.776.800.000	-	-	20.776.800.000
Đầu tư dài hạn	-	627.828.390.000	-	627.828.390.000
	-	**627.828.390.000**	**-**	**648.605.190.000**

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	547.038.783.796	-	-	547.038.783.796
Phải thu khách hàng, phải thu khác	948.713.566.486	20.459.899.926	-	969.173.466.412
Các khoản cho vay	21.841.300.000	100.000.000.000	-	121.841.300.000
	1.517.593.650.282	**120.459.899.926**	**-**	**1.638.053.550.208**
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	479.668.142.514	-	-	479.668.142.514
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.124.948.768.341	30.186.243.394	-	1.155.135.011.735
Các khoản cho vay	102.562.300.000	-	-	102.562.300.000
	1.707.179.210.855	**30.186.243.394**	**-**	**1.737.365.454.249**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Các khoản vay	1.037.278.982.982	184.560.000.000	-	1.221.838.982.982
Phải trả người bán, phải trả khác	160.542.290.545	19.094.994.552	-	179.637.285.097
Chi phí phải trả	53.090.130.257	-	-	53.090.130.257
	1.250.911.403.784	**203.654.994.552**	**-**	**1.454.566.398.336**
Tại ngày 01/01/2024				
Các khoản vay	1.048.185.189.963	100.567.633.320	10.208.333.302	1.158.961.156.585
Phải trả người bán, phải trả khác	525.265.042.665	16.425.531.384	-	541.690.574.049
Chi phí phải trả	61.308.317.145	-	-	61.308.317.145
	1.634.758.549.773	**116.993.164.704**	**10.208.333.302**	**1.761.960.047.779**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Công ty Cổ phần SAM Holdings
127 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

40 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	2.607.495.789.452	1.665.025.848.509
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	2.490.164.329.761	1.901.105.211.715

41 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

42 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Cáp và vật liệu viễn thông	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và lĩnh vực khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.786.841.112.653	84.255.801.776	167.134.308.158	4.038.231.222.587
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**118.135.138.032**	**49.963.175.933**	**35.581.429.510**	**203.679.743.475**
Tổng chi phí mua tài sản cố định	240.403.620	-	32.886.959.074	33.127.362.694
Tài sản bộ phận trực tiếp	1.477.499.205.447	947.859.876.739	3.950.208.320.363	6.375.567.402.549
Tổng tài sản	**1.477.499.205.447**	**947.859.876.739**	**3.950.208.320.363**	**6.375.567.402.549**
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	930.576.759.911	102.125.472.541	612.280.699.071	1.644.982.931.523
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	49.919.191.526
Tổng nợ phải trả	**930.576.759.911**	**102.125.472.541**	**612.280.699.071**	**1.694.902.123.049**

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

43 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Capella Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Công ty liên kết *(Thoái vốn từ ngày 26/03/2024)*
Công ty Cổ phần Dược OPC	Ông Hoàng Lê Sơn là Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital	Ông Hoàng Lê Sơn là Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia	Ông Hoàng Lê Sơn là Chủ tịch HĐQT và Ông Bùi Quang Bách là Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	Ông Bùi Quang Bách là thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Bất động sản Capella	Ông Bùi Quang Bách là thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Tasco	Ông Bùi Quang Bách là thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị	Ông Trần Việt Anh là Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Cát thạch anh Cao cấp Vico	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity Group	Ông Phương Xuân Thụy là Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Ông Phương Xuân Thụy và Ông Trần Việt Anh là Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần SJ Group	Ông Bùi Quang Bách là Chủ tịch HĐQT và Ông Phương Xuân Thụy là Phó Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Shinee	Ông Phạm Hồng Điệp là Phó Chủ tịch HĐQT
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP	Ông Trần Việt Anh là Thành viên HĐQT
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán	Các thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.000.000	**216.945.450**
Công ty Cổ phần Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy	40.000.000	116.363.636
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	-	100.581.814
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.624.809.335	**3.131.003.434**
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	1.217.595.391	2.547.081.616
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	224.213.038	514.471.797
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia	141.405.796	38.464.838
Công ty Cổ phần Dược OPC	**41.595.110**	30.985.183
Lãi cho vay	3.427.100.551	**2.864.184.249**
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	2.894.580.002	1.240.875.346
Công ty Cổ phần Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy	-	85.226.711
Ông Trần Việt Anh	532.520.549	1.538.082.192

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	**8.869.609.033**	**15.132.519.228**
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	1.635.703.671	426.118.357
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia	6.416.188	765.524.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Infinity Group	7.227.489.174	13.940.876.871
Thoái vốn	**82.731.705.691**	**-**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	82.731.705.691	-
Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư	**13.000.000.000**	**-**
Công ty TNHH Cát thạch anh Cao cấp Vico	13.000.000.000	-
Tạm ứng	**-**	**4.729.000**
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	-	4.729.000

	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thu nhập và thù lao			
Ông Trần Việt Anh	Chủ tịch HĐQT *(Bổ nhiệm ngày 12/11/2024)*	1.654.678.830	1.804.144.620
Ông Phương Xuân Thụy	Phó Chủ tịch HĐQT	465.600.000	465.600.000
Ông Hoàng Lê Sơn	Thành viên HĐQT/ Chủ tịch UBKT *(Miễn nhiệm từ Chủ tịch HĐQT ngày 12/11/2024)*	480.000.000	480.000.000
Ông Bùi Quang Bách	Thành viên HĐQT/ Thành viên UBKT	264.000.000	264.000.000
Ông Phạm Hồng Điệp	Thành viên HĐQT	120.000.000	80.000.000
Ông Trần Quang Khang	Tổng Giám đốc *(Bổ nhiệm ngày 12/11/2024)* Phó Tổng Giám đốc *(Bổ nhiệm ngày 04/09/2024)*	712.769.447	-
Ông Nguyễn Minh Tùng	Thành viên HĐQT *(Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)*	-	490.000.000

Ngoài các bên liên quan có phát sinh giao dịch và số dư nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

44 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Hương Thủy	Võ Nữ Từ Anh	Trần Quang Khang

SAM HOLDINGS

127 Ung Văn Khiêm, P.25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
028 3512 2919
contact@samholdings.com.vn
www.samholdings.com.vn